VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 ban hành Mã bưu chính quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 577 + 578)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46			**TỈNH QUẢNG BÌNH**	
		1	BC. trung tâm tỉnh Quảng Bình	47000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	47001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	47002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	47003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	47004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	47005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	47009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	47010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	47011
		10	Báo Quảng Bình	47016
		11	Hội đồng nhân dân	47021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	47030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	47035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	47036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	47040
		16	Sở Công Thương	47041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	47042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	47043
		19	Sở Ngoại vụ	47044
		20	Sở Tài chính	47045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	47046
		22	Sở Văn hoá và Thể thao	47047
		23	Sở Du lịch	47048
		24	Công an tỉnh	47049
		25	Sở Nội vụ	47051
		26	Sở Tư pháp	47052
		27	Sở Giáo dục và Đào tạo	47053
		28	Sở Giao thông vận tải	47054
		29	Sở Khoa học và Công nghệ	47055
		30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	47056
		31	Sở Tài nguyên và Môi trường	47057
		32	Sở Xây dựng	47058
		33	Sở Y tế	47060
		34	Bộ chỉ huy Quân sự	47061
		35	Ban Dân tộc	47062
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	47063
		37	Thanh tra tỉnh	47064
		38	Trường chính trị tỉnh	47065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	47066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	47067
		41	Bảo hiểm xã hội tỉnh	47070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thuế	47078
		43	Cục Hải quan	47079
		44	Cục Thống kê	47080
		45	Kho bạc Nhà nước tỉnh	47081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	47085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	47086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	47087
		49	Liên đoàn Lao động tỉnh	47088
		50	Hội Nông dân tỉnh	47089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	47090
		52	Tỉnh đoàn	47091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	47092
		54	Hội Cựu chiến binh tỉnh	47093
	1		**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Đồng Hới	47100
		2	Thành ủy	47101
		3	Hội đồng nhân dân	47102
		4	Ủy ban nhân dân	47103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47104
		6	P. Bắc Lý	47106
		7	P. Đồng Phú	47107
		8	X. Lộc Ninh	47108
		9	X. Thuận Đức	47109
		10	P. Đồng Sơn	47110
		11	P. Bắc Nghĩa	47111
		12	X. Nghĩa Ninh	47112
		13	X. Đức Ninh	47113
		14	P. Nam Lý	47114
		15	P. Đức Ninh Đông	47115
		16	P. Phú Hải	47116
		17	P. Hải Đình	47117
		18	P. Đồng Mỹ	47118
		19	P. Hải Thành	47119
		20	X. Quang Phú	47120
		21	X. Bảo Ninh	47121
		22	BCP. Đồng Hới	47150
		23	BC. Bắc Lý 1	47151
		24	BC. Bắc Lý 2	47152
		25	BC. Đại Học Quảng Bình	47153
		26	BC. Lộc Đại	47154
		27	BC. Cộn	47155
		28	BC. Thuận Lý	47156
		29	BC. Hệ 1 Quảng Bình	47199
	2		**HUYỆN BỐ TRẠCH**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Bố Trạch	47200
		2	Huyện ủy	47201
		3	Hội đồng nhân dân	47202
		4	Ủy ban nhân dân	47203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47204
		6	TT. Hoàn Lão	47206
		7	X. Trung Trạch	47207
		8	X. Đồng Trạch	47208
		9	X. Đức Trạch	47209
		10	P. Hải Trạch	47210
		11	X. Thanh Trạch	47211
		12	X. Bắc Trạch	47212
		13	X. Mỹ Trạch	47213
		14	X. Hạ Trạch	47214
		15	X. Cự Nẫm	47215
		16	X. Sơn Lộc	47216
		17	X. Phú Trạch	47217
		18	X. Vạn Trạch	47218
		19	X. Hoàn Trạch	47219
		20	X. Đại Trạch	47220
		21	X. Nhân Trạch	47221
		22	X. Lý Trạch	47222
		23	X. Nam Trạch	47223
		24	X. Hòa Trạch	47224
		25	X. Tây Trạch	47225
		26	X. Liên Trạch	47226
		27	X. Lâm Trạch	47227
		28	X. Xuân Trạch	47228
		29	X. Phúc Trạch	47229
		30	X. Thượng Trạch	47230
		31	X. Tân Trạch	47231
		32	X. Sơn Trạch	47232
		33	X. Hưng Trạch	47233
		34	X. Phú Định	47234
		35	TT. Nông Trường Việt Trung	47235
		36	BCP. Bố Trạch	47250
		37	BC. Lý Hòa	47251
		38	BC. Thanh Khê	47252
		39	BC. Nam Gianh	47253
		40	BC. Thọ Lộc	47254
		41	BC. Chánh Hòa	47255
		42	BC. Troóc	47256
		43	BC. Phong Nha	47257
		44	BC. Phú Quý	47258

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	3		**THỊ XÃ BA ĐỒN**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Ba Đồn	47300
		2	Thị ủy	47301
		3	Hội đồng nhân dân	47302
		4	Ủy ban nhân dân	47303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47304
		6	P. Ba Đồn	47306
		7	P. Quảng Thọ	47307
		8	P. Quảng Long	47308
		9	P. Quảng Phong	47309
		10	P. Quảng Thuận	47310
		11	P. Quảng Phúc	47311
		12	X. Quảng Văn	47312
		13	X. Quảng Lộc	47313
		14	X. Quảng Hải	47314
		15	X. Quảng Tân	47315
		16	X. Quảng Trung	47316
		17	X. Quảng Tiên	47317
		18	X. Quảng Sơn	47318
		19	X. Quảng Thủy	47319
		20	X. Quảng Hòa	47320
		21	X. Quảng Minh	47321
		22	BCP. Ba Đồn	47350
		23	BC. Chợ Sãi	47351
		24	BC. Hòa Ninh	47352
		25	BC. Quảng Thọ	47353
	4		**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quảng Trạch	47400
		2	Huyện ủy	47401
		3	Hội đồng nhân dân	47402
		4	Ủy ban nhân dân	47403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47404
		6	X. Quảng Phương	47406
		7	X. Quảng Xuân	47407
		8	X. Quảng Hưng	47408
		9	X. Quảng Tiến	47409
		10	X. Quảng Tùng	47410
		11	X. Cảnh Dương	47411
		12	X. Quảng Phú	47412
		13	X. Quảng Đông	47413
		14	X. Quảng Kim	47414
		15	X. Quảng Hợp	47415
		16	X. Quảng Châu	47416
		17	X. Quảng Lưu	47417

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		18	X. Quảng Thạch	47418
		19	X. Cảnh Hóa	47419
		20	X. Quảng Liên	47420
		21	X. Phù Hóa	47421
		22	X. Quảng Trường	47422
		23	X. Quảng Thanh	47423
		24	BCP. Quảng Trạch	47450
		25	BC. Ngọa Cương	47451
		26	BC. Roòn	47452
	5		**HUYỆN TUYÊN HÓA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tuyên Hóa	47500
		2	Huyện ủy	47501
		3	Hội đồng nhân dân	47502
		4	Ủy ban nhân dân	47503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47504
		6	TT. Đồng Lê	47506
		7	X. Thuận Hóa	47507
		8	X. Kim Hóa	47508
		9	X. Hương Hóa	47509
		10	X. Thanh Hóa	47510
		11	X. Lâm Hóa	47511
		12	X. Thanh Thạch	47512
		13	X. Lê Hóa	47513
		14	X. Đồng Hóa	47514
		15	X. Sơn Hóa	47515
		16	X. Thạch Hóa	47516
		17	X. Nam Hóa	47517
		18	X. Đức Hóa	47518
		19	X. Phong Hóa	47519
		20	X. Cao Quảng	47520
		21	X. Châu Hóa	47521
		22	X. Mai Hóa	47522
		23	X. Ngư Hóa	47523
		24	X. Tiến Hóa	47524
		25	X. Văn Hóa	47525
		26	BCP. Tuyên Hóa	47550
		27	BC. Tân Ấp	47551
		28	BC. Chợ Gát	47552
		29	BC. Minh Cầm	47553
		30	BC. Chợ Cuồi	47554
	6		**HUYỆN MINH HÓA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Minh Hóa	47600
		2	Huyện ủy	47601
		3	Hội đồng nhân dân	47602

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	47603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47604
		6	TT. Quy Đạt	47606
		7	X. Yên Hóa	47607
		8	X. Xuân Hóa	47608
		9	X. Hồng Hóa	47609
		10	X. Hóa Phúc	47610
		11	X. Hóa Thanh	47611
		12	X. Trọng Hóa	47612
		13	X. Dân Hóa	47613
		14	X. Hóa Tiến	47614
		15	X. Hóa Hợp	47615
		16	X. Hóa Sơn	47616
		17	X. Quy Hóa	47617
		18	X. Tân Hóa	47618
		19	X. Minh Hóa	47619
		20	X. Trung Hóa	47620
		21	X. Thượng Hóa	47621
		22	BCP. Minh Hóa	47650
		23	BC. Cha Lo	47651
	7		**HUYỆN QUẢNG NINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quảng Ninh	47700
		2	Huyện ủy	47701
		3	Hội đồng nhân dân	47702
		4	Ủy ban nhân dân	47703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47704
		6	TT. Quán Hàu	47706
		7	X. Lương Ninh	47707
		8	X. Vĩnh Ninh	47708
		9	X. Hàm Ninh	47709
		10	X. Hiền Ninh	47710
		11	X. Xuân Ninh	47711
		12	X. An Ninh	47712
		13	X. Tân Ninh	47713
		14	X. Duy Ninh	47714
		15	X. Võ Ninh	47715
		16	X. Gia Ninh	47716
		17	X. Hải Ninh	47717
		18	X. Vạn Ninh	47718
		19	X. Trường Xuân	47719
		20	X. Trường Sơn	47720
		21	BCP. Quảng Ninh	47750
		22	BC. Cổ Hiền	47751
		23	BC. Dinh Mười	47752

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	8		**HUYỆN LỆ THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lệ Thủy	47800
		2	Huyện ủy	47801
		3	Hội đồng nhân dân	47802
		4	Ủy ban nhân dân	47803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	47804
		6	TT. Kiến Giang	47806
		7	X. Cam Thủy	47807
		8	X. Ngư Thủy Bắc	47808
		9	X. Thanh Thủy	47809
		10	X. Hồng Thủy	47810
		11	X. Hoa Thủy	47811
		12	X. Lộc Thủy	47812
		13	X. Phong Thủy	47813
		14	X. An Thủy	47814
		15	X. Liên Thủy	47815
		16	X. Xuân Thủy	47816
		17	X. Hưng Thủy	47817
		18	X. Ngư Thủy Trung	47818
		19	X. Ngư Thủy Nam	47819
		20	X. Sen Thủy	47820
		21	X. Tân Thủy	47821
		22	X. Dương Thủy	47822
		23	X. Mỹ Thủy	47823
		24	X. Mai Thủy	47824
		25	X. Phú Thủy	47825
		26	X. Sơn Thủy	47826
		27	TT. Nông Trường Lệ Ninh	47827
		28	X. Ngân Thủy	47828
		29	X. Trường Thủy	47829
		30	X. Văn Thủy	47830
		31	X. Thái Thủy	47831
		32	X. Kim Thủy	47832
		33	X. Lâm Thủy	47833
		34	BCP. Lệ Thủy	47850
		35	BC. Chợ Chè	47851
		36	BC. Chợ Cưỡi	47852
		37	BC. Chợ Mai	47853
		38	BC. Chợ Trạm	47854
		39	BC. Mỹ Đức	47855
		40	BC. Sen Thủy	47856

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47			**TỈNH QUẢNG NAM**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Quảng Nam	51000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	51001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	51002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	51003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	51004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	51005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	51009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	51010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	51011
		10	Báo Quảng Nam	51016
		11	Hội đồng nhân dân	51021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	51030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	51035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	51036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	51040
		16	Sở Công Thương	51041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	51042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51043
		19	Sở Ngoại vụ	51044
		20	Sở Tài chính	51045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	51046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	51047
		23	Công an tỉnh	51049
		24	Sở Nội vụ	51051
		25	Sở Tư pháp	51052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	51053
		27	Sở Giao thông vận tải	51054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	51055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	51057
		31	Sở Xây dựng	51058
		32	Sở Y tế	51060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	51061
		34	Ban Dân tộc	51062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	51063
		36	Thanh tra tỉnh	51064
		37	Trường chính trị tỉnh	51065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	51066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	51067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	51070
		41	Cục Thuế	51078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Hải quan	51079
		43	Cục Thống kê	51080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	51081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	51085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	51086
		47	Hội Văn học nghệ thuật	51087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	51088
		49	Hội Nông dân tỉnh	51089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	51090
		51	Tỉnh Đoàn	51091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	51092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	51093
	1		**THÀNH PHỐ TAM KỲ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Tam Kỳ	51100
		2	Thành ủy	51101
		3	Hội đồng nhân dân	51102
		4	Ủy ban nhân dân	51103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51104
		6	P. An Mỹ	51106
		7	P. Hoà Thuận	51107
		8	P. Tân Thạnh	51108
		9	P. Phước Hòa	51109
		10	P. An Phú	51110
		11	X. Tam Phú	51111
		12	X. Tam Thanh	51112
		13	X. Tam Thăng	51113
		14	P. Trường Xuân	51114
		15	P. An Xuân	51115
		16	X. Tam Ngọc	51116
		17	P. An Sơn	51117
		18	P. Hòa Hương	51118
		19	BCP. Tam Kỳ	51150
		20	BC. KHL Tam Kỳ	51151
		21	BC. An Xuân	51152
		22	BC. KCN Tam Thăng	51153
		23	BC. Huỳnh Thúc Kháng	51154
		24	BC. Phan Chu Trinh	51155
		25	BC. HCC Quảng Nam	51198
		26	BC. Hệ 1 Quảng Nam	51199
	2		**HUYỆN THĂNG BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thăng Bình	51200
		2	Huyện ủy	51201
		3	Hội đồng nhân dân	51202
		4	Ủy ban nhân dân	51203

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51204
		6	TT. Hà Lam	51206
		7	X. Bình Nguyên	51207
		8	X. Bình Phục	51208
		9	X. Bình Triều	51209
		10	X. Bình Giang	51210
		11	X. Bình Dương	51211
		12	X. Bình Đào	51212
		13	X. Bình Minh	51213
		14	X. Bình Hải	51214
		15	X. Bình Sa	51215
		16	X. Bình Nam	51216
		17	X. Bình An	51217
		18	X. Bình Trung	51218
		19	X. Bình Tú	51219
		20	X. Bình Quý	51220
		21	X. Bình Định Bắc	51221
		22	X. Bình Định Nam	51222
		23	X. Bình Chánh	51223
		24	X. Bình Quế	51224
		25	X. Bình Phú	51225
		26	X. Bình Trị	51226
		27	X. Bình Lãnh	51227
		28	BCP. Thăng Bình	51250
		29	BC. KHL Thăng Bình	51251
		30	BC. Bình Đào	51252
		31	BC. Quán Gò	51253
	3		**THÀNH PHỐ HỘI AN**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hội An	51300
		2	Thành ủy	51301
		3	Hội đồng nhân dân	51302
		4	Ủy ban nhân dân	51303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51304
		6	P. Minh An	51306
		7	P. Sơn Phong	51307
		8	P. Tân An	51308
		9	P. Cẩm Phô	51309
		10	P. Thanh Hà	51310
		11	X. Cẩm Kim	51311
		12	P. Cẩm Nam	51312
		13	X. Cẩm Thanh	51313
		14	P. Cẩm Châu	51314
		15	P. Cửa Đại	51315
		16	P. Cẩm An	51316

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	X. Cẩm Hà	51317
		18	X. Tân Hiệp	51318
		19	BCP. Hội An	51350
		20	BC. KHL Hội An	51351
		21	BC. Lê Hồng Phong	51352
		22	BC. Cửa Đại	51353
	4		**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Điện Bàn	51400
		2	Thị ủy	51401
		3	Hội đồng nhân dân	51402
		4	Ủy ban nhân dân	51403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51404
		6	P. Vĩnh Điện	51406
		7	P. Điện Nam Đông	51407
		8	P. Điện Nam Trung	51408
		9	P. Điện Nam Bắc	51409
		10	P. Điện Dương	51410
		11	P. Điện Ngọc	51411
		12	X. Điện Thắng Bắc	51412
		13	X. Điện Thắng Trung	51413
		14	X. Điện Thắng Nam	51414
		15	X. Điện Hòa	51415
		16	X. Điện Tiến	51416
		17	X. Điện Hồng	51417
		18	X. Điện Thọ	51418
		19	X. Điện Phước	51419
		20	P. Điện An	51420
		21	X. Điện Minh	51421
		22	X. Điện Phương	51422
		23	X. Điện Phong	51423
		24	X. Điện Trung	51424
		25	X. Điện Quang	51425
		26	BCP. Điện Bàn	51450
		27	BC. KHL KCN Điện Nam Điện Ngọc	51451
		28	BC. Điện Ngọc	51452
		29	BC. KCN Điện Nam Điện Ngọc	51453
		30	BC. Phong Thử	51454
		31	BC. Điện Phương	51455
		32	BC. Điện Thắng	51456
		33	BĐVHX Điện Trung 2	51457
	5		**HUYỆN DUY XUYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Duy Xuyên	51500
		2	Huyện ủy	51501
		3	Hội đồng nhân dân	51502

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	51503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51504
		6	TT. Nam Phước	51506
		7	X. Duy Phước	51507
		8	X. Duy Thành	51508
		9	X. Duy Vinh	51509
		10	X. Duy Nghĩa	51510
		11	X. Duy Hải	51511
		12	X. Duy Trinh	51512
		13	X. Duy Châu	51513
		14	X. Duy Hòa	51514
		15	X. Duy Tân	51515
		16	X. Duy Thu	51516
		17	X. Duy Phú	51517
		18	X. Duy Sơn	51518
		19	X. Duy Trung	51519
		20	BCP. Duy Xuyên	51550
		21	BCP. Cầu Chìm	51551
		22	BC. Kiểm Lâm	51552
		23	BC. Mỹ Sơn	51553
		24	BĐVHX Duy Sơn	51554
	6		**HUYỆN ĐẠI LỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đại Lộc	51600
		2	Huyện ủy	51601
		3	Hội đồng nhân dân	51602
		4	Ủy ban nhân dân	51603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51604
		6	TT. Ái Nghĩa	51606
		7	X. Đại Hiệp	51607
		8	X. Đại Nghĩa	51608
		9	X. Đại Quang	51609
		10	X. Đại Đồng	51610
		11	X. Đại Lãnh	51611
		12	X. Đại Hưng	51612
		13	X. Đại Sơn	51613
		14	X. Đại Hồng	51614
		15	X. Đại Chánh	51615
		16	X. Đại Thạnh	51616
		17	X. Đại Tân	51617
		18	X. Đại Phong	51618
		19	X. Đại Minh	51619
		20	X. Đại Thắng	51620
		21	X. Đại Cường	51621
		22	X. Đại An	51622

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	X. Đại Hòa	51623
		24	BCP. Đại Lộc	51650
		25	BC. KHL Đại Lộc	51651
		26	BC. Đại Hiệp	51652
		27	BC. Hà Tân	51653
		28	BC. Hà Nha	51654
		29	BC. Đại Minh	51655
		30	BC. Gia Cốc	51656
	7		**HUYỆN ĐÔNG GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đông Giang	51700
		2	Huyện ủy	51701
		3	Hội đồng nhân dân	51702
		4	Ủy ban nhân dân	51703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51704
		6	TT. P Rao	51706
		7	X. Tà Lu	51707
		8	X. Sông Kôn	51708
		9	X. Jơ Ngây	51709
		10	X. A Ting	51710
		11	X. Tư	51711
		12	X. Ba	51712
		13	X. A Rooi	51713
		14	X. Za Hung	51714
		15	X. Mà Cooih	51715
		16	X. Ka Dăng	51716
		17	BCP. Đông Giang	51750
		18	BC. Quyết Thắng	51751
	8		**HUYỆN TÂY GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tây Giang	51800
		2	Huyện ủy	51801
		3	Hội đồng nhân dân	51802
		4	Ủy ban nhân dân	51803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51804
		6	X. A Tiêng	51806
		7	X. A Vương	51807
		8	X. Bha Lê	51808
		9	X. A Nông	51809
		10	X. Ch'ơm	51810
		11	X. Ga Ri	51811
		12	X. A Xan	51812
		13	X. Tr'Hy	51813
		14	X. Lăng	51814
		15	X. Dang	51815
		16	BCP. Tây Giang	51850

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	9		**HUYỆN NAM GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nam Giang	51900
		2	Huyện ủy	51901
		3	Hội đồng nhân dân	51902
		4	Ủy ban nhân dân	51903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	51904
		6	TT. Thạnh Mỹ	51906
		7	X. Tà Pơơ	51907
		8	X. Zuôich	51908
		9	X. Laêê	51909
		10	X. Chơ Chun	51910
		11	X. La Dêê	51911
		12	X. Chà Vàl	51912
		13	X. Đắc Tôi	51913
		14	X. Đắc Pre	51914
		15	X. Đắc Pring	51915
		16	X. Tà Bhinh	51916
		17	X. Cà Dy	51917
		18	BCP. Nam Giang	51950
	10		**HUYỆN NÔNG SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nông Sơn	52000
		2	Huyện ủy	52001
		3	Hội đồng nhân dân	52002
		4	Ủy ban nhân dân	52003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52004
		6	X. Quế Trung	52006
		7	X. Phước Ninh	52007
		8	X. Quế Lâm	52008
		9	X. Quế Phước	52009
		10	X. Quế Ninh	52010
		11	X. Quế Lộc	52011
		12	X. Sơn Viên	52012
		13	BCP. Nông Sơn	52050
	11		**HUYỆN QUẾ SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quế Sơn	52100
		2	Huyện ủy	52101
		3	Hội đồng nhân dân	52102
		4	Ủy ban nhân dân	52103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52104
		6	TT. Đông Phú	52106
		7	X. Quế Châu	52107
		8	X. Quế Thuận	52108
		9	X. Phú Thọ	52109
		10	X. Quế Cường	52110

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Hương An	52111
		12	X. Quế Phú	52112
		13	X. Quế Xuân 1	52113
		14	X. Quế Xuân 2	52114
		15	X. Quế Hiệp	52115
		16	X. Quế Long	52116
		17	X. Quế Phong	52117
		18	X. Quế An	52118
		19	X. Quế Minh	52119
		20	BCP. Quế Sơn	52150
		21	BCP. Hương An	52151
	12		**HUYỆN HIỆP ĐỨC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hiệp Đức	52200
		2	Huyện ủy	52201
		3	Hội đồng nhân dân	52202
		4	Ủy ban nhân dân	52203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52204
		6	TT. Tân An	52206
		7	X. Bình Sơn	52207
		8	X. Bình Lâm	52208
		9	X. Quế Thọ	52209
		10	X. Hiệp Thuận	52210
		11	X. Hiệp Hòa	52211
		12	X. Sông Trà	52212
		13	X. Quế Bình	52213
		14	X. Phước Trà	52214
		15	X. Phước Gia	52215
		16	X. Quế Lưu	52216
		17	X. Thăng Phước	52217
		18	BCP. Hiệp Đức	52250
		19	BC. Việt An	52251
	13		**HUYỆN PHƯỚC SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phước Sơn	52300
		2	Huyện ủy	52301
		3	Hội đồng nhân dân	52302
		4	Ủy ban nhân dân	52303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52304
		6	TT. Khâm Đức	52306
		7	X. Phước Xuân	52307
		8	X. Phước Đức	52308
		9	X. Phước Năng	52309
		10	X. Phước Mỹ	52310
		11	X. Phước Chánh	52311
		12	X. Phước Công	52312

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Phước Lộc	52313
		14	X. Phước Thành	52314
		15	X. Phước Kim	52315
		16	X. Phước Hoà	52316
		17	X. Phước Hiệp	52317
		18	BCP. Phước Sơn	52350
	14		**HUYỆN NAM TRÀ MY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nam Trà My	52400
		2	Huyện ủy	52401
		3	Hội đồng nhân dân	52402
		4	Ủy ban nhân dân	52403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52404
		6	X. Trà Mai	52406
		7	X. Trà Tập	52407
		8	X. Trà Dơn	52408
		9	X. Trà Leng	52409
		10	X. Trà Linh	52410
		11	X. Trà Cang	52411
		12	X. Trà Nam	52412
		13	X. Trà Don	52413
		14	X. Trà Vân	52414
		15	X. Trà Vinh	52415
		16	BCP. Nam Trà My	52450
	15		**HUYỆN BẮC TRÀ MY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bắc Trà My	52500
		2	Huyện ủy	52501
		3	Hội đồng nhân dân	52502
		4	Ủy ban nhân dân	52503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52504
		6	TT. Trà My	52506
		7	X. Trà Dương	52507
		8	X. Trà Đông	52508
		9	X. Trà Đốc	52509
		10	X. Trà Bui	52510
		11	X. Trà Tân	52511
		12	X. Trà Sơn	52512
		13	X. Trà Giang	52513
		14	X. Trà Nú	52514
		15	X. Trà Kót	52515
		16	X. Trà Giác	52516
		17	X. Trà Giáp	52517
		18	X. Trà Ka	52518
		19	BCP. Bắc Trà My	52550
	16		**HUYỆN TIÊN PHƯỚC**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Tiên Phước	52600
		2	Huyện ủy	52601
		3	Hội đồng nhân dân	52602
		4	Ủy ban nhân dân	52603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52604
		6	TT. Tiên Kỳ	52606
		7	X. Tiên Thọ	52607
		8	X. Tiên Mỹ	52608
		9	X. Tiên Phong	52609
		10	X. Tiên Cẩm	52610
		11	X. Tiên Sơn	52611
		12	X. Tiên Hà	52612
		13	X. Tiên Lãnh	52613
		14	X. Tiên Ngọc	52614
		15	X. Tiên Châu	52615
		16	X. Tiên Cảnh	52616
		17	X. Tiên Lộc	52617
		18	X. Tiên Lập	52618
		19	X. Tiên An	52619
		20	X. Tiên Hiệp	52620
		21	BCP. Tiên Phước	52650
		22	BC. Tiên Thọ	52651
	17		**HUYỆN PHÚ NINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phú Ninh	52700
		2	Huyện ủy	52701
		3	Hội đồng nhân dân	52702
		4	Ủy ban nhân dân	52703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52704
		6	TT. Phú Thịnh	52706
		7	X. Tam Đàn	52707
		8	X. Tam An	52708
		9	X. Tam Phước	52709
		10	X. Tam Thành	52710
		11	X. Tam Lộc	52711
		12	X. Tam Vinh	52712
		13	X. Tam Dân	52713
		14	X. Tam Đại	52714
		15	X. Tam Lãnh	52715
		16	X. Tam Thái	52716
		17	BCP. Phú Ninh	52750
		18	BC. Chiên Đàn	52751
		19	BC. Cây Sanh	52752
	18		**HUYỆN NÚI THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Núi Thành	52800

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Huyện ủy	52801
		3	Hội đồng nhân dân	52802
		4	Ủy ban nhân dân	52803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	52804
		6	TT. Núi Thành	52806
		7	X. Tam Giang	52807
		8	X. Tam Quang	52808
		9	X. Tam Hải	52809
		10	X. Tam Hòa	52810
		11	X. Tam Tiến	52811
		12	X. Tam Xuân I	52812
		13	X. Tam Xuân II	52813
		14	X. Tam Anh Bắc	52814
		15	X. Tam Anh Nam	52815
		16	X. Tam Hiệp	52816
		17	X. Tam Thạnh	52817
		18	X. Tam Sơn	52818
		19	X. Tam Trà	52819
		20	X. Tam Mỹ Tây	52820
		21	X. Tam Mỹ Đông	52821
		22	X. Tam Nghĩa	52822
		23	BCP. Núi Thành	52850
		24	BC. Khu Kinh Tế Mở Chu Lai	52851
		25	BC. Bà Bầu	52852
		26	BC. Diêm Phổ	52853
		27	BC. KCN Tam Hiệp	52854
		28	BC. Bến Xe	52855

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
48			**TỈNH QUẢNG NGÃI**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Quảng Ngãi	53000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	53001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	53002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	53003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	53004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	53005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	53009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	53010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	53011
		10	Báo Quảng Ngãi	53016
		11	Hội đồng nhân dân	53021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	53030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	53035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	53036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	53040
		16	Sở Công Thương	53041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	53042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	53043
		19	Sở Ngoại vụ	53044
		20	Sở Tài chính	53045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	53046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	53047
		23	Công an tỉnh	53049
		24	Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	53050
		25	Sở Nội vụ	53053
		26	Sở Tư pháp	53052
		27	Sở Giáo dục và Đào tạo	53053
		28	Sở Giao thông vận tải	53054
		29	Sở Khoa học và Công nghệ	53055
		30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53056
		31	Sở Tài nguyên và Môi trường	53057
		32	Sở Xây dựng	53058
		33	Sở Y tế	53060
		34	Bộ chỉ huy Quân sự	53061
		35	Ban Dân tộc	53062
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	53063
		37	Thanh tra tỉnh	53064
		38	Trường chính trị tỉnh	53065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	53066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	53067
		41	Bảo hiểm xã hội tỉnh	53070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thuế	53078
		43	Cục Hải quan	53079
		44	Cục Thống kê	53080
		45	Kho bạc Nhà nước tỉnh	53081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	53085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	53086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	53087
		49	Liên đoàn Lao động tỉnh	53088
		50	Hội Nông dân tỉnh	53089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	53090
		52	Tỉnh Đoàn	53091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	53092
		54	Hội Cựu chiến binh tỉnh	53093
	1		**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Quảng Ngãi	53100
		2	Thành ủy	53101
		3	Hội đồng nhân dân	53102
		4	Ủy ban nhân dân	53103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53104
		6	P. Trần Hưng Đạo	53106
		7	P. Lê Hồng Phong	53107
		8	P. Trần Phú	53108
		9	P. Nghĩa Chánh	53109
		10	P. Nguyễn Nghiêm	53110
		11	P. Trương Quang Trọng	53111
		12	X. Tịnh Ấn Tây	53112
		13	P. Quảng Phú	53113
		14	P. Nghĩa Lộ	53114
		15	P. Chánh Lộ	53115
		16	X. Nghĩa Dõng	53116
		17	X. Nghĩa Hà	53117
		18	X. Nghĩa Dũng	53118
		19	X. Tịnh An	53119
		20	X. Tịnh Châu	53120
		21	X. Tịnh Ấn Đông	53121
		22	X. Nghĩa Phú	53122
		23	X. Nghĩa An	53123
		24	X. Tịnh Long	53124
		25	X. Tịnh Khê	53125
		26	X. Tịnh Kỳ	53126
		27	X. Tịnh Hòa	53127
		28	X. Tịnh Thiện	53128
		29	BCP. Quảng Ngãi	53150
		30	BC. Quang Trung	53151

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		31	BC. Đinh Tiên Hoàng	53152
		32	BC. Hai Bà Trưng	53153
		33	BC. Cổ Luỹ	53154
		34	BC. Hệ 1 Quảng Ngãi	53199
	2		**HUYỆN SƠN TỊNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sơn Tịnh	53200
		2	Huyện ủy	53201
		3	Hội đồng nhân dân	53202
		4	Ủy ban nhân dân	53203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53204
		6	X. Tịnh Hà	53206
		7	X. Tịnh Sơn	53207
		8	X. Tịnh Bình	53208
		9	X. Tịnh Hiệp	53209
		10	X. Tịnh Bắc	53210
		11	X. Tịnh Minh	53211
		12	X. Tịnh Phong	53212
		13	X. Tịnh Thọ	53213
		14	X. Tịnh Trà	53214
		15	X. Tịnh Đông	53215
		16	X. Tịnh Giang	53216
		17	BCP. Sơn Tịnh	53250
		18	BC. Sơn Mỹ	53251
	3		**HUYỆN BÌNH SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bình Sơn	53300
		2	Huyện ủy	53301
		3	Hội đồng nhân dân	53302
		4	Ủy ban nhân dân	53303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53304
		6	TT. Châu Ổ	53306
		7	X. Bình Thới	53307
		8	X. Bình Dương	53308
		9	X. Bình Chánh	53309
		10	X. Bình Nguyên	53310
		11	X. Bình Trung	53311
		12	X. Bình Chương	53312
		13	X. Bình Long	53313
		14	X. Bình Thanh Tây	53314
		15	X. Bình Thanh Đông	53315
		16	X. Bình Hòa	53316
		17	X. Bình Phước	53317
		18	X. Bình Đông	53318
		19	X. Bình Thạnh	53319
		20	X. Bình Khương	53320

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		21	X. Bình An	53321
		22	X. Bình Minh	53322
		23	X. Bình Mỹ	53323
		24	X. Bình Hiệp	53324
		25	X. Bình Tân	53325
		26	X. Bình Châu	53326
		27	X. Bình Phú	53327
		28	X. Bình Hải	53328
		29	X. Bình Trị	53329
		30	X. Bình Thuận	53330
		31	BCP. Bình Sơn	53350
		32	BC. Khu Kinh Tế Dung Quất	53351
	4		**HUYỆN TRÀ BỒNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Trà Bồng	53400
		2	Huyện ủy	53401
		3	Hội đồng nhân dân	53402
		4	Ủy ban nhân dân	53403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53404
		6	TT. Trà Xuân	53406
		7	X. Trà Giang	53407
		8	X. Trà Thủy	53408
		9	X. Trà Hiệp	53409
		10	X. Trà Lâm	53410
		11	X. Trà Tân	53411
		12	X. Trà Sơn	53412
		13	X. Trà Phú	53413
		14	X. Trà Bình	53414
		15	X. Trà Bùi	53415
		16	BCP. Trà Bồng	53450
	5		**HUYỆN TÂY TRÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tây Trà	53500
		2	Huyện ủy	53501
		3	Hội đồng nhân dân	53502
		4	Ủy ban nhân dân	53503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53504
		6	X. Trà Phong	53506
		7	X. Trà Lãnh	53507
		8	X. Trà Quân	53508
		9	X. Trà Khê	53509
		10	X. Trà Xinh	53510
		11	X. Trà Thọ	53511
		12	X. Trà Trung	53512
		13	X. Trà Nham	53513
		14	X. Trà Thanh	53514

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	BCP. Tây Trà	53550
	6		**HUYỆN SƠN TÂY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sơn Tây	53600
		2	Huyện ủy	53601
		3	Hội đồng nhân dân	53602
		4	Ủy ban nhân dân	53603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53604
		6	X. Sơn Dung	53606
		7	X. Sơn Màu	53607
		8	X. Sơn Tân	53608
		9	X. Sơn Mùa	53609
		10	X. Sơn Bua	53610
		11	X. Sơn Liên	53611
		12	X. Sơn Long	53612
		13	X. Sơn Lập	53613
		14	X. Sơn Tinh	53614
		15	BCP. Sơn Tây	53650
	7		**HUYỆN MINH LONG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Minh Long	53700
		2	Huyện ủy	53701
		3	Hội đồng nhân dân	53702
		4	Ủy ban nhân dân	53703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53704
		6	X. Long Hiệp	53706
		7	X. Long Mai	53707
		8	X. Long Sơn	53708
		9	X. Thanh An	53709
		10	X. Long Môn	53710
		11	BCP. Minh Long	53750
	8		**HUYỆN SƠN HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sơn Hà	53800
		2	Huyện ủy	53801
		3	Hội đồng nhân dân	53802
		4	Ủy ban nhân dân	53803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53804
		6	TT. Di Lăng	53806
		7	X. Sơn Giang	53807
		8	X. Sơn Thành	53808
		9	X. Sơn Bao	53809
		10	X. Sơn Trung	53810
		11	X. Sơn Hải	53811
		12	X. Sơn Cao	53812
		13	X. Sơn Linh	53813
		14	X. Sơn Nham	53814

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Sơn Hạ	53815
		16	X. Sơn Thượng	53816
		17	X. Sơn Thủy	53817
		18	X. Sơn Kỳ	53818
		19	X. Sơn Ba	53819
		20	BCP. Sơn Hà	53850
	9		**HUYỆN TƯ NGHĨA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tư Nghĩa	53900
		2	Huyện ủy	53901
		3	Hội đồng nhân dân	53902
		4	Ủy ban nhân dân	53903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	53904
		6	TT. La Hà	53906
		7	X. Nghĩa Thương	53907
		8	X. Nghĩa Hòa	53908
		9	X. Nghĩa Trung	53909
		10	X. Nghĩa Phương	53910
		11	X. Nghĩa Mỹ	53911
		12	TT. Sông Vệ	53912
		13	X. Nghĩa Hiệp	53913
		14	X. Nghĩa Điền	53914
		15	X. Nghĩa Kỳ	53915
		16	X. Nghĩa Thuận	53916
		17	X. Nghĩa Thắng	53917
		18	X. Nghĩa Lâm	53918
		19	X. Nghĩa Thọ	53919
		20	X. Nghĩa Sơn	53920
		21	BCP. Tư Nghĩa	53950
		22	BC. Sông Vệ	53951
	10		**HUYỆN NGHĨA HÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nghĩa Hành	54000
		2	Huyện ủy	54001
		3	Hội đồng nhân dân	54002
		4	Ủy ban nhân dân	54003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	54004
		6	TT. Chợ Chùa	54006
		7	X. Hành Trung	54007
		8	X. Hành Thuận	54008
		9	X. Hành Dũng	54009
		10	X. Hành Nhân	54010
		11	X. Hành Minh	54011
		12	X. Hành Đức	54012
		13	X. Hành Tín Tây	54013
		14	X. Hành Tín Đông	54014

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Hành Thiện	54015
		16	X. Hành Thịnh	54016
		17	X. Hành Phước	54017
		18	BCP. Nghĩa Hành	54050
	11		**HUYỆN MỘ ĐỨC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mộ Đức	54100
		2	Huyện ủy	54101
		3	Hội đồng nhân dân	54102
		4	Ủy ban nhân dân	54103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	54104
		6	TT. Mộ Đức	54106
		7	X. Đức Thạnh	54107
		8	X. Dức Minh	54108
		9	X. Đức Chánh	54109
		10	X. Đức Thắng	54110
		11	X. Đức Lợi	54111
		12	X. Đức Nhuận	54112
		13	X. Đức Hiệp	54113
		14	X. Đức Tân	54114
		15	X. Đức Hòa	54115
		16	X. Đức Phú	54116
		17	X. Đức Lân	54117
		18	X. Đức Phong	54118
		19	BCP. Mộ Đức	54150
		20	BC. Thạch Trụ	54151
		21	BC. Quán Lát	54152
		22	BĐVHX Đức Thạnh 2	54153
	12		**HUYỆN BA TƠ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ba Tơ	54200
		2	Huyện ủy	54201
		3	Hội đồng nhân dân	54202
		4	Ủy ban nhân dân	54203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	54204
		6	TT. Ba Tơ	54206
		7	X. Ba Cung	54207
		8	X. Ba Chùa	54208
		9	X. Ba Dinh	54209
		10	X. Ba Bích	54210
		11	X. Ba Trang	54211
		12	X. Ba Khâm	54212
		13	X. Ba Liên	54213
		14	X. Ba Động	54214
		15	X. Ba Thành	54215
		16	X. Ba Vinh	54216

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	X. Ba Điền	54217
		18	X. Ba Giang	54218
		19	X. Ba Ngạc	54219
		20	X. Ba Tiêu	54220
		21	X. Ba Vì	54221
		22	X. Ba Tô	54222
		23	X. Ba Xa	54223
		24	X. Ba Nam	54224
		25	X. Ba Lế	54225
		26	BCP. Ba Tơ	54250
	13		**HUYỆN ĐỨC PHỔ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đức Phổ	54300
		2	Huyện ủy	54301
		3	Hội đồng nhân dân	54302
		4	Ủy ban nhân dân	54303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	54304
		6	TT. Đức Phổ	54306
		7	X. Phổ Minh	54307
		8	X. Phổ Vinh	54308
		9	X. Phổ Quang	54309
		10	X. Phổ Văn	54310
		11	X. Phổ An	54311
		12	X. Phổ Thuận	54312
		13	X. Phổ Phong	54313
		14	X. Phổ Nhơn	54314
		15	X. Phổ Ninh	54315
		16	X. Phổ Hòa	54316
		17	X. Phổ Cường	54317
		18	X. Phổ Khánh	54318
		19	X. Phổ Thạnh	54319
		20	X. Phổ Châu	54320
		21	BCP. Đức Phổ	54350
		22	BC. Sa Huỳnh	54351
	14		**HUYỆN LÝ SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lý Sơn	54400
		2	Huyện ủy	54401
		3	Hội đồng nhân dân	54402
		4	Ủy ban nhân dân	54403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	54404
		6	X. An Vĩnh	54406
		7	X. An Hải	54407
		8	X. An Bình	54408
		9	BCP. Lý Sơn	54450

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49			**TỈNH QUẢNG NINH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Quảng Ninh	01000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	01001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	01002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	01003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	01004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	01005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	01009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	01010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	01011
		10	Báo Quảng Ninh	01016
		11	Hội đồng nhân dân	01021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	01030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	01035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	01036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	01040
		16	Sở Công Thương	01041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01043
		19	Sở Tài chính	01045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	01046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	01047
		22	Công an tỉnh	01049
		23	Sở Nội vụ	01051
		24	Sở Tư pháp	01052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	01053
		26	Sở Giao thông vận tải	01054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	01055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	01057
		30	Sở Xây dựng	01058
		31	Sở Y tế	01060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	01061
		33	Ban Dân tộc	01062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	01063
		35	Thanh tra tỉnh	01064
		36	Trường chính trị tỉnh	01065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	01066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	01067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	01070
		40	Cục Thuế	01078
		41	Cục Hải quan	01079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	01080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	01081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	01085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	01086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	01087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	01088
		48	Hội Nông dân tỉnh	01089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	01090
		50	Tỉnh Đoàn	01091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	01092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	01093
	1		**THÀNH PHỐ HẠ LONG**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hạ Long	01100
		2	Thành ủy	01101
		3	Hội đồng nhân dân	01102
		4	Ủy ban nhân dân	01103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01104
		6	P. Hồng Gai	01106
		7	P. Trần Hưng Đạo	01107
		8	P. Bạch Đằng	01108
		9	P. Cao Thắng	01109
		10	P. Hồng Hải	01110
		11	P. Hà Lầm	01111
		12	P. Hà Trung	01112
		13	P. Hồng Hà	01113
		14	P. Hà Tu	01114
		15	P. Hà Phong	01115
		16	P. Hà Khánh	01116
		17	P. Cao Xanh	01117
		18	P. Yết Kiêu	01118
		19	P. Bãi Cháy	01119
		20	P. Hùng Thắng	01120
		21	P. Giếng Đáy	01121
		22	P. Hà Khẩu	01122
		23	P. Việt Hưng	01123
		24	P. Đại Yên	01124
		25	P. Tuần Châu	01125
		26	BCP. Bãi Cháy	01150
		27	BCP. Cột 5	01151
		28	BCP. Hà Lầm	01152
		29	BCP. Hà Tu	01153
		30	BCP. Kênh Đồng	01154
		31	BC. KHL Hạ Long	01155
		32	BC. Hà Lầm	01156

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	BC. Cột 5	01157
		34	BC. Hà Tu	01158
		35	BC. Cao Xanh	01159
		36	BC. Hạ Long	01160
		37	BC. Kênh Đồng	01161
		38	BC. Đồng Đăng	01162
		39	BC. HCC Quảng Ninh	01198
		40	BC. Hệ 1 Quảng Ninh	01199
	2		**THÀNH PHỐ CẨM PHẢ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Cẩm Phả	01200
		2	Thành ủy	01201
		3	Hội đồng nhân dân	01202
		4	Ủy ban nhân dân	01203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01204
		6	P. Cẩm Trung	01206
		7	P. Cẩm Thành	01207
		8	P. Cẩm Tây	01208
		9	P. Cẩm Bình	01209
		10	P. Cẩm Đông	01210
		11	P. Cẩm Sơn	01211
		12	P. Cẩm Phú	01212
		13	P. Cẩm Thịnh	01213
		14	P. Cửa Ông	01214
		15	X. Cẩm Hải	01215
		16	X. Cộng Hòa	01216
		17	P. Mông Dương	01217
		18	X. Dương Huy	01218
		19	P. Quang Hanh	01219
		20	P. Cẩm Thạch	01220
		21	P. Cẩm Thủy	01221
		22	BCP. Cẩm Phả	01250
		23	BC. KHL Cẩm Phả	01251
		24	BC. Cọc 6	01252
		25	BC. Cửa Ông	01253
		26	BC. Mông Dương	01254
		27	BC. Quang Hanh	01255
	3		**HUYỆN VÂN ĐỒN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vân Đồn	01300
		2	Huyện ủy	01301
		3	Hội đồng nhân dân	01302
		4	Ủy ban nhân dân	01303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01304
		6	TT. Cái Rồng	01306
		7	X. Vạn Yên	01307

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. Đài Xuyên	01308
		9	X. Bình Dân	01309
		10	X. Đoàn Kết	01310
		11	X. Đông Xá	01311
		12	X. Thắng Lợi	01312
		13	X. Ngọc Vừng	01313
		14	X. Quan Lạn	01314
		15	X. Bản Sen	01315
		16	X. Minh Châu	01316
		17	X. Hạ Long	01317
		18	BCP. Vân Đồn	01350
	4		**HUYỆN CÔ TÔ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cô Tô	01400
		2	Huyện ủy	01401
		3	Hội đồng nhân dân	01402
		4	Ủy ban nhân dân	01403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01404
		6	TT. Cô Tô	01406
		7	X. Thanh Lân	01407
		8	X. Đồng Tiến	01408
		9	BCP. Cô Tô	01450
	5		**THÀNH PHỐ MÓNG CÁI**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Móng Cái	01500
		2	Thành ủy	01501
		3	Hội đồng nhân dân	01502
		4	Ủy ban nhân dân	01503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01504
		6	P. Hoà Lạc	01506
		7	P. Hải Hoà	01507
		8	P. Trần Phú	01508
		9	P. Ka Long	01509
		10	P. Ninh Dương	01510
		11	P. Hải Yên	01511
		12	X. Bắc Sơn	01512
		13	X. Hải Sơn	01513
		14	X. Quảng Nghĩa	01514
		15	X. Hải Tiến	01515
		16	X. Hải Đông	01516
		17	X. Vạn Ninh	01517
		18	X. Vĩnh Trung	01518
		19	X. Vĩnh Thực	01519
		20	P. Bình Ngọc	01520
		21	P. Trà Cổ	01521
		22	X. Hải Xuân	01522

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	BCP. Móng Cái	01550
		24	BC. KHL Móng Cái	01551
	6		**HUYỆN HẢI HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hải Hà	01600
		2	Huyện ủy	01601
		3	Hội đồng nhân dân	01602
		4	Ủy ban nhân dân	01603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01604
		6	TT. Quảng Hà	01606
		7	X. Quảng Minh	01607
		8	X. Quảng Thắng	01608
		9	X. Quảng Thành	01609
		10	X. Quảng Đức	01610
		11	X. Quảng Sơn	01611
		12	X. Đường Hoa	01612
		13	X. Quảng Phong	01613
		14	X. Quảng Long	01614
		15	X. Quảng Thịnh	01615
		16	X. Quảng Chính	01616
		17	X. Quảng Trung	01617
		18	X. Phú Hải	01618
		19	X. Quảng Điền	01619
		20	X. Tiến Tới	01620
		21	X. Cái Chiên	01621
		22	BCP. Hải Hà	01650
		23	BC. Bắc Phong Sinh	01651
	7		**HUYỆN BÌNH LIÊU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bình Liêu	01700
		2	Huyện ủy	01701
		3	Hội đồng nhân dân	01702
		4	Ủy ban nhân dân	01703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01704
		6	TT. Bình Liêu	01706
		7	X. Húc Động	01707
		8	X. Đồng Văn	01708
		9	X. Hoành Mô	01709
		10	X. Đồng Tâm	01710
		11	X. Lục Hồn	01711
		12	X. Tình Húc	01712
		13	X. Vô Ngại	01713
		14	BCP. Bình Liêu	01750
		15	BC. Hoành Mô	01751
	8		**HUYỆN ĐẦM HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đầm Hà	01800

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Huyện ủy	01801
		3	Hội đồng nhân dân	01802
		4	Ủy ban nhân dân	01803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01804
		6	TT. Đầm Hà	01806
		7	X. Quảng Tân	01807
		8	X. Quảng Lợi	01808
		9	X. Tân Bình	01809
		10	X. Quảng Lâm	01810
		11	X. Quảng An	01811
		12	X. Dực Yên	01812
		13	X. Đại Bình	01813
		14	X. Tân Lập	01814
		15	X. Đầm Hà	01815
		16	BCP. Đầm Hà	01850
	9		**HUYỆN TIÊN YÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tiên Yên	01900
		2	Huyện ủy	01901
		3	Hội đồng nhân dân	01902
		4	Ủy ban nhân dân	01903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	01904
		6	TT. Tiên Yên	01906
		7	X. Tiên Lãng	01907
		8	X. Đông Hải	01908
		9	X. Đông Ngũ	01909
		10	X. Đại Dực	01910
		11	X. Đại Thành	01911
		12	X. Phong Dụ	01912
		13	X. Hà Lâu	01913
		14	X. Điền Xá	01914
		15	X. Yên Than	01915
		16	X. Hải Lạng	01916
		17	X. Đồng Rui	01917
		18	BCP. Tiên Yên	01950
	10		**HUYỆN BA CHẼ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ba Chẽ	02000
		2	Huyện ủy	02001
		3	Hội đồng nhân dân	02002
		4	Ủy ban nhân dân	02003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	02004
		6	TT. Ba Chẽ	02006
		7	X. Nam Sơn	02007
		8	X. Thanh Sơn	02008
		9	X. Thanh Lâm	02009

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Lương Mông	02010
		11	X. Minh Cầm	02011
		12	X. Đạp Thanh	02012
		13	X. Đồn Đạc	02013
		14	BCP. Ba Chẽ	02050
	11		**HUYỆN HOÀNH BỒ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hoành Bồ	02100
		2	Huyện ủy	02101
		3	Hội đồng nhân dân	02102
		4	Ủy ban nhân dân	02103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	02104
		6	TT. Trới	02106
		7	X. Lê Lợi	02107
		8	X. Sơn Dương	02108
		9	X. Đồng Lâm	02109
		10	X. Thống Nhất	02110
		11	X. Vũ Oai	02111
		12	X. Hòa Bình	02112
		13	X. Kỳ Thượng	02113
		14	X. Đồng Sơn	02114
		15	X. Dân Chủ	02115
		16	X. Tân Dân	02116
		17	X. Quảng La	02117
		18	X. Bằng Cả	02118
		19	BCP. Hoành Bồ	02150
		20	BC. Thống Nhất	02151
	12		**THỊ XÃ QUẢNG YÊN**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Quảng Yên	02200
		2	Thị ủy	02201
		3	Hội đồng nhân dân	02202
		4	Ủy ban nhân dân	02203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	02204
		6	P. Quảng Yên	02206
		7	P. Hà An	02207
		8	X. Hoàng Tân	02208
		9	P. Tân An	02209
		10	X. Tiền An	02210
		11	P. Minh Thành	02211
		12	P. Đông Mai	02212
		13	X. Sông Khoai	02213
		14	P. Cộng Hòa	02214
		15	X. Hiệp Hòa	02215
		16	P. Yên Giang	02216
		17	P. Nam Hòa	02217

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		18	P. Yên Hải	02218
		19	P. Phong Cốc	02219
		20	X. Liên Vị	02220
		21	X. Tiền Phong	02221
		22	X. Liên Hòa	02222
		23	P. Phong Hải	02223
		24	X. Cẩm La	02224
		25	BCP. Quảng Yên	02250
		26	BC. Cây Số 11	02251
		27	BC. Phong Cốc	02252
	13		**THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Uông Bí	02300
		2	Thành ủy	02301
		3	Hội đồng nhân dân	02302
		4	Ủy ban nhân dân	02303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	02304
		6	P. Thanh Sơn	02306
		7	P. Quang Trung	02307
		8	P. Bắc Sơn	02308
		9	P. Vàng Danh	02309
		10	X. Thượng Yên Công	02310
		11	P. Phương Đông	02311
		12	P. Phương Nam	02312
		13	P. Yên Thanh	02313
		14	X. Điền Công	02314
		15	P. Trưng Vương	02315
		16	P. Nam Khê	02316
		17	BCP. Uông Bí	02350
		18	BC. Vàng Danh	02351
		19	BC. Phương Đông	02352
		20	BC. Nam Khê	02353
	14		**THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Đông Triều	02400
		2	Thị ủy	02401
		3	Hội đồng nhân dân	02402
		4	Ủy ban nhân dân	02403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	02404
		6	P. Đông Triều	02406
		7	P. Đức Chính	02407
		8	X. Tràng An	02408
		9	P. Xuân Sơn	02409
		10	P. Kim Sơn	02410
		11	P. Mạo Khê	02411
		12	X. Yên Thọ	02412

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Yên Đức	02413
		14	X. Hoàng Quế	02414
		15	X. Hồng Thái Tây	02415
		16	X. Hồng Thái Đông	02416
		17	X. Tràng Lương	02417
		18	X. Bình Khê	02418
		19	X. An Sinh	02419
		20	X. Tân Việt	02420
		21	X. Việt Dân	02421
		22	X. Bình Dương	02422
		23	X. Nguyễn Huệ	02423
		24	X. Thủy An	02424
		25	X. Hồng Phong	02425
		26	P. Hưng Đạo	02426
		27	BCP. Đông Triều	02450
		28	BC. Mạo Khê	02451
		29	BC. Tràng Bạch	02452

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51			**TỈNH SÓC TRĂNG**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Sóc Trăng	96000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	96001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	96002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	96003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	96004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	96005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	96009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	96010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	96011
		10	Báo Sóc Trăng	96016
		11	Hội đồng nhân dân	96021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	96030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	96035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	96036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	96040
		16	Sở Công Thương	96041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	96042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	96043
		19	Sở Tài chính	96045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	96046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	96047
		22	Công an tỉnh	96049
		23	Sở Nội vụ	96051
		24	Sở Tư pháp	96052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	96053
		26	Sở Giao thông vận tải	96054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	96055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	96056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	96057
		30	Sở Xây dựng	96058
		31	Sở Y tế	96060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự	96061
		33	Ban Dân tộc	96062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	96063
		35	Thanh tra tỉnh	96064
		36	Trường chính trị tỉnh	96065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	96066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	96067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	96070
		40	Cục Thuế	96078
		41	Chi Cục Hải quan	96079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thống kê	96080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	96081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	96085
		45	Hội hữu nghị nhân dân các nước	96086
		46	Hội Văn học nghệ thuật	96087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	96088
		48	Hội Nông dân tỉnh	96089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	96090
		50	Tỉnh đoàn	96091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	96092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	96093
	1		**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Sóc Trăng	96100
		2	Thành ủy	96101
		3	Hội đồng nhân dân	96102
		4	Ủy ban nhân dân	96103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96104
		6	P. 2	96106
		7	P. 1	96107
		8	P. 3	96108
		9	P. 9	96109
		10	P. 4	96110
		11	P. 8	96111
		12	P. 5	96112
		13	P. 6	96113
		14	P. 7	96114
		15	P. 10	96115
		16	BCP. Sóc Trăng	96150
		17	BC. Tiếp Thị Bán Hàng	96151
		18	BC. Hệ 1 Sóc Trăng	96199
	2		**HUYỆN LONG PHÚ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Long Phú	96200
		2	Huyện ủy	96201
		3	Hội đồng nhân dân	96202
		4	Ủy ban nhân dân	96203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96204
		6	TT. Long Phú	96206
		7	X. Long Đức	96207
		8	X. Song Phụng	96208
		9	TT. Đại Ngãi	96209
		10	X. Hậu Thạnh	96210
		11	X. Trường Khánh	96211
		12	X. Phú Hữu	96212
		13	X. Châu Khánh	96213
		14	X. Tân Thạnh	96214

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		15	X. Tân Hưng	96215
		16	X. Long Phú	96216
		17	BCP. Long Phú	96250
		18	BC. Đại Ngãi	96251
		19	BC. Trường Khánh	96252
		20	BC. Tân Thạnh	96253
	3		**HUYỆN KẾ SÁCH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kế Sách	96300
		2	Huyện ủy	96301
		3	Hội đồng nhân dân	96302
		4	Ủy ban nhân dân	96303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96304
		6	TT. Kế Sách	96306
		7	X. Thới An Hội	96307
		8	X. Kế Thành	96308
		9	X. An Mỹ	96309
		10	X. Nhơn Mỹ	96310
		11	X. An Lạc Tây	96311
		12	X. Phong Nẫm	96312
		13	TT. An Lạc Thôn	96313
		14	X. Xuân Hòa	96314
		15	X. Trinh Phú	96315
		16	X. Ba Trinh	96316
		17	X. Đại Hải	96317
		18	X. Kế An	96318
		19	BCP. Kế Sách	96350
		20	BC. Thới An Hội	96351
		21	BC. Cái Côn	96352
	4		**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	96400
		2	Huyện ủy	96401
		3	Hội đồng nhân dân	96402
		4	Ủy ban nhân dân	96403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96404
		6	TT. Châu Thành	96406
		7	X. Phú Tâm	96407
		8	X. Hồ Đắc Kiện	96408
		9	X. Thuận Hòa	96409
		10	X. Thiện Mỹ	96410
		11	X. An Ninh	96411
		12	X. An Hiệp	96412
		13	X. Phú Tân	96413
		14	BCP. Châu Thành	96425
		15	BC. Thuận Hòa	96426
		16	BC. Bố Thảo	96427

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		17	BC. An Trạch	96428
	5		**HUYỆN MỸ TÚ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mỹ Tú	96450
		2	Huyện ủy	96451
		3	Hội đồng nhân dân	96452
		4	Ủy ban nhân dân	96453
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96454
		6	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	96456
		7	X. Long Hưng	96457
		8	X. Hưng Phú	96458
		9	X. Mỹ Hương	96459
		10	X. Mỹ Tú	96460
		11	X. Mỹ Phước	96461
		12	X. Thuận Hưng	96462
		13	X. Mỹ Thuận	96463
		14	X. Phú Mỹ	96464
		15	BCP. Mỹ Tú	96475
	6		**THỊ XÃ NGÃ NĂM**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Ngã Năm	96500
		2	Thị ủy	96501
		3	Hội đồng nhân dân	96502
		4	Ủy ban nhân dân	96503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96504
		6	P. 1	96506
		7	P. 2	96507
		8	X. Vĩnh Quới	96508
		9	P. 3	96509
		10	X. Mỹ Quới	96510
		11	X. Mỹ Bình	96511
		12	X. Long Bình	96512
		13	X. Tân Long	96513
		14	BCP. Ngã Năm	96525
		15	BC. Long Tân	96526
		16	BC. Tân Long	96527
	7		**HUYỆN THẠNH TRỊ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thạnh Trị	96550
		2	Huyện ủy	96551
		3	Hội đồng nhân dân	96552
		4	Ủy ban nhân dân	96553
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96554
		6	TT. Phú Lộc	96556
		7	X. Tuân Tức	96557
		8	TT. Hưng Lợi	96558
		9	X. Lâm Kiết	96559
		10	X. Lâm Tân	96560

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		11	X. Thạnh Tân	96561
		12	X. Thạnh Trị	96562
		13	X. Vĩnh Thành	96563
		14	X. Vĩnh Lợi	96564
		15	X. Châu Hưng	96565
		16	BCP. Thạnh Trị	96575
		17	BC. Châu Hưng	96576
	8		**HUYỆN MỸ XUYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mỹ Xuyên	96600
		2	Huyện ủy	96601
		3	Hội đồng nhân dân	96602
		4	Ủy ban nhân dân	96603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96604
		6	TT. Mỹ Xuyên	96606
		7	X. Tham Đôn	96607
		8	X. Đại Tâm	96608
		9	X. Thạnh Phú	96609
		10	X. Hòa Tú 1	96610
		11	X. Ngọc Đông	96611
		12	X. Ngọc Tố	96612
		13	X. Gia Hòa 1	96613
		14	X. Thạnh Quới	96614
		15	X. Gia Hòa 2	96615
		16	X. Hòa Tú 2	96616
		17	BCP. Mỹ Xuyên	96650
		18	BC. Đại Tâm	96651
		19	BC. Thạnh Phú	96652
		20	BC. Ngọc Tố	96653
		21	BC. Thạnh Quới	96654
	8		**HUYỆN TRẦN ĐỀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Trần Đề	96700
		2	Huyện ủy	96701
		3	Hội đồng nhân dân	96702
		4	Ủy ban nhân dân	96703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96704
		6	TT. Trần Đề	96706
		7	X. Đại Ân 2	96707
		8	X. Trung Bình	96708
		9	X. Lịch Hội Thượng	96709
		10	TT. Lịch Hội Thượng	96710
		11	X. Liêu Tú	96711
		12	X. Viên Bình	96712
		13	X. Viên An	96713
		14	X. Tài Văn	96714
		15	X. Thạnh Thới An	96715

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		16	X. Thạnh Thới Thuận	96716
		17	BCP. Trần Đề	96750
		18	BC. Kinh Ba	96751
		19	BC. Lịch Hội Thượng	96752
		20	BC. Tài Văn	96753
	9		**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Vĩnh Châu	96800
		2	Thị ủy	96801
		3	Hội đồng nhân dân	96802
		4	Ủy ban nhân dân	96803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96804
		6	P. 1	96806
		7	P. 2	96807
		8	X. Lạc Hòa	96808
		9	X. Vĩnh Hải	96809
		10	X. Hòa Đông	96810
		11	P. Khánh Hòa	96811
		12	X. Vĩnh Hiệp	96812
		13	P. Vĩnh Phước	96813
		14	X. Vĩnh Tân	96814
		15	X. Lai Hòa	96815
		16	BCP. Vĩnh Châu	96850
	10		**HUYỆN CÙ LAO DUNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cù Lao Dung	96900
		2	Huyện ủy	96901
		3	Hội đồng nhân dân	96902
		4	Ủy ban nhân dân	96903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	96904
		6	TT. Cù Lao Dung	96906
		7	X. An Thạnh Đông	96907
		8	X. An Thạnh 1	96908
		9	X. An Thạnh Tây	96909
		10	X. Đại Ân 1	96910
		11	X. An Thạnh 2	96911
		12	X. An Thạnh 3	96912
		13	X. An Thạnh Nam	96913
		14	BCP. Cù Lao Dung	96950
		15	BC. An Thạnh 3	96951

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52			**TỈNH SƠN LA**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Sơn La	34000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	34001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	34002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	34003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	34004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	34005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	34009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	34010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	34011
		10	Báo Sơn La	34016
		11	Hội đồng nhân dân	34021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	34030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	34035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	34036
			Các cơ quan, tổ chức tại tỉnh	**34040 – 34072**
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	34040
		16	Sở Công Thương	34041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	34042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34043
		19	Sở Ngoại vụ	34044
		20	Sở Tài chính	34045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	34046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	34047
		23	Công an tỉnh	34049
		24	Sở Nội vụ	34051
		25	Sở Tư pháp	34052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	34053
		27	Sở Giao thông vận tải	34054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	34055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	34057
		31	Sở Xây dựng	34058
		32	Sở Y tế	34060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	34061
		34	Ban Dân tộc	34062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	34063
		36	Thanh tra tỉnh	34064
		37	Trường chính trị tỉnh	34065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	34066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	34067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	34070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		41	Cục Thuế	34078
		42	Cục Hải quan	34079
		43	Cục Thống kê	34080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	34081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	34085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	34086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	34087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	34088
		49	Hội Nông dân tỉnh	34089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	34090
		51	Tỉnh Đoàn	34091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	34092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	34093
	1		**THÀNH PHỐ SƠN LA**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Sơn La	34100
		2	Thành ủy	34101
		3	Hội đồng nhân dân	34102
		4	Ủy ban nhân dân	34103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34104
		6	P. Chiềng Lề	34106
		7	P. Chiềng An	34107
		8	X. Chiềng Xôm	34108
		9	X. Chiềng Đen	34109
		10	X. Chiềng Cọ	34110
		11	P. Chiềng Cơi	34111
		12	P. Tô Hiệu	34112
		13	P. Quyết Thắng	34113
		14	P. Quyết Tâm	34114
		15	X. Hua La	34115
		16	P. Chiềng Sinh	34116
		17	X. Chiềng Ngần	34117
		18	BCP. Sơn La	34150
		19	BC. KHL Sơn La	34151
		20	BC. Chiềng Lề	34152
		21	BC. Cầu 308	34153
		22	BC. Bó Ẩn	34154
		23	BC. Đại Học Tây Bắc	34155
		24	BC. Ân Sinh	34156
		25	BC. Chiềng Sinh	34157
		26	BC. HCC Sơn La	34198
		27	BC. Hệ 1 Sơn La	34199
	2		**HUYỆN MƯỜNG LA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mường La	34200
		2	Huyện ủy	34201

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	34202
		4	Ủy ban nhân dân	34203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34204
		6	TT. Ít Ong	34206
		7	X. Nậm Păm	34207
		8	X. Ngọc Chiến	34208
		9	X. Hua Trai	34209
		10	X. Chiềng Lao	34210
		11	X. Nậm Giôn	34211
		12	X. Mường Trai	34212
		13	X. Pi Toong	34213
		14	X. Tạ Bú	34214
		15	X. Chiềng San	34215
		16	X. Mường Bú	34216
		17	X. Mường Chùm	34217
		18	X. Chiềng Hoa	34218
		19	X. Chiềng Công	34219
		20	X. Chiềng Ân	34220
		21	X. Chiềng Muôn	34221
		22	BCP. Mường La	34230
		23	BC. Thủy Điện	34231
		24	BC. Mường Bú	34232
	3		**HUYỆN QUỲNH NHAI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quỳnh Nhai	34250
		2	Huyện ủy	34251
		3	Hội đồng nhân dân	34252
		4	Ủy ban nhân dân	34253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34254
		6	X. Mường Chiên	34256
		7	X. Chiềng Khay	34257
		8	X. Cà Nàng	34258
		9	X. Pá Ma Pha Khinh	34259
		10	X. Mường Giàng	34260
		11	X. Chiềng Bằng	34261
		12	X. Chiềng Khoang	34262
		13	X. Nậm Ét	34263
		14	X. Mường Sại	34264
		15	X. Chiềng Ơn	34265
		16	X. Mường Giôn	34266
		17	BCP. Quỳnh Nhai	34275
	4		**HUYỆN THUẬN CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thuận Châu	34300
		2	Huyện ủy	34301
		3	Hội đồng nhân dân	34302

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	34303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34304
		6	TT. Thuận Châu	34306
		7	X. Chiềng La	34307
		8	X. Tông Lạnh	34308
		9	X. Tòng Cọ	34309
		10	X. Bó Mười	34310
		11	X. Mường Khiêng	34311
		12	X. Liệp Tè	34312
		13	X. Chiềng Ngàm	34313
		14	X. Noong Lay	34314
		15	X. Chiềng Ly	34315
		16	X. Chiềng Pha	34316
		17	X. Phổng Lái	34317
		18	X. Mường É	34318
		19	X. Phổng Lập	34319
		20	X. Phổng Lăng	34320
		21	X. Chiềng Bôm	34321
		22	X. Long Hẹ	34322
		23	X. É Tòng	34323
		24	X. Mường Bám	34324
		25	X. Co Mạ	34325
		26	X. Co Tòng	34326
		27	X. Pá Lông	34327
		28	X. Púng Tra	34328
		29	X. Thôm Mòn	34329
		30	X. Chiềng Pấc	34330
		31	X. Bon Phặng	34331
		32	X. Nậm Lầu	34332
		33	X. Bản Lầm	34333
		34	X. Muổi Nọi	34334
		35	BCP. Thuận Châu	34350
		36	BC. Chiềng Pấc	34351
	5		**HUYỆN SÔNG MÃ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sông Mã	34400
		2	Huyện ủy	34401
		3	Hội đồng nhân dân	34402
		4	Ủy ban nhân dân	34403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34404
		6	TT. Sông Mã	34406
		7	X. Chiềng Khoong	34407
		8	X. Nà Ngựu	34408
		9	X. Nậm Ty	34409
		10	X. Chiềng Phung	34410

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Mường Lầm	34411
		12	X. Bó Sinh	34412
		13	X. Pú Bẩu	34413
		14	X. Chiềng En	34414
		15	X. Đứa Mòn	34415
		16	X. Yên Hưng	34416
		17	X. Chiềng Sơ	34417
		18	X. Nậm Mằn	34418
		18	X. Huổi Một	34419
		19	X. Mường Cai	34420
		20	X. Mường Hung	34421
		21	X. Chiềng Khương	34422
		22	X. Mường Sai	34423
		23	X. Chiềng Cang	34424
		24	BCP. Sông Mã	34430
		25	BC. Chiềng Khương	34431
	6		**HUYỆN SỐP CỘP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sốp Cộp	34450
		2	Huyện ủy	34451
		3	Hội đồng nhân dân	34452
		4	Ủy ban nhân dân	34453
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34454
		6	X. Sốp Cộp	34456
		7	X. Dồm Cang	34457
		8	X. Púng Bánh	34458
		9	X. Sam Kha	34459
		10	X. Mường Lèo	34460
		11	X. Nậm Lạnh	34461
		12	X. Mường Và	34462
		13	X. Mường Lạn	34463
		14	BCP. Sốp Cộp	34475
	7		**HUYỆN MAI SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mai Sơn	34500
		2	Huyện ủy	34501
		3	Hội đồng nhân dân	34502
		4	Ủy ban nhân dân	34503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34504
		6	TT. Hát Lót	34506
		7	X. Nà Bó	34507
		8	X. Tà Hộc	34508
		9	X. Chiềng Chăn	34509
		10	X. Chiềng Sung	34510
		11	X. Mường Bằng	34511
		12	X. Mường Bon	34512

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Chiềng Mung	34513
		14	X. Chiềng Ban	34514
		15	X. Chiềng Chung	34515
		16	X. Mường Chanh	34516
		17	X. Chiềng Nơi	34517
		18	X. Phiêng Cằm	34518
		19	X. Chiềng Dong	34519
		20	X. Chiềng Mai	34520
		21	X. Chiềng Kheo	34521
		22	X. Chiềng Ve	34522
		23	X. Nà Ớt	34523
		24	X. Phiêng Pằn	34524
		25	X. Hát Lót	34525
		25	X. Chiềng Lương	34526
		26	X. Cò Nòi	34527
		25	BCP. Mai Sơn	34550
		25	BC. Nà Sản	34551
		26	BC. Cò Nòi	34552
		27	BĐVHX Chiềng Mai	34553
	8		**HUYỆN BẮC YÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bắc Yên	34600
		2	Huyện ủy	34601
		3	Hội đồng nhân dân	34602
		4	Ủy ban nhân dân	34603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34604
		6	TT. Bắc Yên	34606
		7	X. Tà Xùa	34607
		8	X. Háng Đồng	34608
		9	X. Xím Vàng	34609
		10	X. Hang Chú	34610
		11	X. Pắc Ngà	34611
		12	X. Chim Vàn	34612
		13	X. Làng Chếu	34613
		14	X. Mường Khoa	34614
		15	X. Hua Nhàn	34615
		16	X. Tạ Khoa	34616
		17	X. Phiêng Côn	34617
		18	X. Chiềng Sại	34618
		19	X. Song Pe	34619
		20	X. Hồng Ngài	34620
		21	X. Phiêng Ban	34621
		22	BCP. Bắc Yên	34630
	9		**HUYỆN YÊN CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Châu	34650

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Huyện ủy	34651
		3	Hội đồng nhân dân	34652
		4	Ủy ban nhân dân	34653
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34654
		6	TT. Yên Châu	34656
		7	X. Sặp Vạt	34657
		8	X. Chiềng Đông	34658
		9	X. Chiềng Sàng	34659
		10	X. Chiềng Pằn	34660
		11	X. Viêng Lán	34661
		11	X. Yên Sơn	34662
		12	X. Chiềng On	34663
		13	X. Phiêng Khoài	34664
		15	X. Chiềng Khoi	34665
		16	X. Chiềng Hặc	34666
		17	X. Lóng Phiêng	34667
		18	X. Chiềng Tương	34668
		19	X. Tú Nang	34669
		20	X. Mường Lựm	34670
		21	BCP. Yên Châu	34680
		22	BC. Phiêng Khoài	34681
	10		**HUYỆN MỘC CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mộc Châu	34700
		2	Huyện ủy	34701
		3	Hội đồng nhân dân	34702
		4	Ủy ban nhân dân	34703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34704
		6	TT. Mộc Châu	34706
		7	TT. NT Mộc Châu	34707
		8	X. Hua Păng	34708
		9	X. Nà Mường	34709
		10	X. Qui Hướng	34710
		11	X. Tân Hợp	34711
		12	X. Tà Lại	34712
		13	X. Tân Lập	34713
		14	X. Chiềng Hắc	34714
		15	X. Chiềng Khừa	34715
		16	X. Mường Sang	34716
		17	X. Lóng Sập	34717
		18	X. Chiềng Sơn	34718
		19	X. Đông Sang	34719
		20	X. Phiêng Luông	34720
		21	BCP. Mộc Châu	34750
		22	BC. Thảo Nguyên	34751

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	BC. Chiềng Ve	34752
	11		**HUYỆN VÂN HỒ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vân Hồ	34800
		2	Huyện ủy	34801
		3	Hội đồng nhân dân	34802
		4	Ủy ban nhân dân	34803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34804
		6	X. Vân Hồ	34806
		7	X. Lóng Luông	34807
		8	X. Chiềng Yên	34808
		9	X. Mường Men	34809
		10	X. Quang Minh	34810
		11	X. Mường Tè	34811
		12	X. Song Khủa	34812
		13	X. Liên Hoà	34813
		14	X. Suối Bàng	34814
		15	X. Tô Múa	34815
		16	X. Chiềng Khoa	34816
		17	X. Chiềng Xuân	34817
		18	X. Xuân Nha	34818
		19	X. Tân Xuân	34819
		20	BCP. Vân Hồ	34850
	12		**HUYỆN PHÙ YÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phù Yên	34900
		2	Huyện ủy	34901
		3	Hội đồng nhân dân	34902
		4	Ủy ban nhân dân	34903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	34904
		6	TT. Phù Yên	34906
		7	X. Huy Thượng	34907
		8	X. Mường Cơi	34908
		9	X. Mường Thải	34909
		10	X. Suối Tọ	34910
		11	X. Quang Huy	34911
		12	X. Huy Bắc	34912
		13	X. Huy Tân	34913
		14	X. Huy Hạ	34914
		15	X. Tường Phù	34915
		16	X. Gia Phù	34916
		17	X. Suối Bau	34917
		18	X. Sập Xa	34918
		19	X. Đá Đỏ	34919
		20	X. Bắc Phong	34920
		21	X. Kim Bon	34921

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		22	X. Tường Thượng	34922
		23	X. Tường Hạ	34923
		24	X. Tường Tiến	34924
		25	X. Huy Tường	34925
		26	X. Tân Lang	34926
		27	X. Mường Lang	34927
		28	X. Mường Do	34928
		29	X. Tường Phong	34929
		30	X. Tân Phong	34930
		31	X. Nam Phong	34931
		32	X. Mường Bang	34932
		33	BCP. Phù Yên	34950
		34	BC. Gia Phù	34951

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50			**TỈNH QUẢNG TRỊ**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Quảng Trị	48000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	48001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	48002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	48003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	48004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	48005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	48009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	48010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	48011
		10	Báo Quảng Trị	48016
		11	Hội đồng nhân dân	48021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	48030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	48035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	48036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	48040
		16	Sở Công Thương	48041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48043
		19	Sở Ngoại vụ	48044
		20	Sở Tài chính	48045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	48046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	48047
		23	Công an tỉnh	48049
		24	Sở Nội vụ	48051
		25	Sở Tư pháp	48052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	48053
		27	Sở Giao thông vận tải	48054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	48055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	48056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	48057
		31	Sở Xây dựng	48058
		32	Sở Y tế	48060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	48061
		34	Ban Dân tộc	48062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	48063
		36	Thanh tra tỉnh	48064
		37	Trường chính trị Lê Duẩn	48065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	48066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	48067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	48070
		41	Cục Thuế	48078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Hải quan	48079
		43	Cục Thống kê	48080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	48081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	48085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	48086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	48087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	48088
		49	Hội Nông dân tỉnh	48089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	48090
		51	Tỉnh đoàn	48091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	48092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	48093
	1		**THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Đông Hà	48100
		2	Huyện ủy	48101
		3	Hội đồng nhân dân	48102
		4	Ủy ban nhân dân	48103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48104
		6	P. 1	48106
		7	P. 2	48107
		8	P. Đông Giang	48108
		9	P. Đông Thanh	48109
		10	P. 4	48110
		11	P. 3	48111
		12	P. 5	48112
		13	P. Đông Lễ	48113
		14	P. Đông Lương	48114
		15	BCP. Đông Hà	48150
		16	BC. KHL Đông Hà	48151
		18	BC. Sòng	48152
		19	BC. Hàm Nghi	48153
		20	BC. Hùng Vương	48154
		21	BC. Lê Lợi	48155
		22	BC. Lương An	48156
		17	BC. Hệ 1 Quảng Trị	48199
	2		**HUYỆN CAM LỘ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cam Lộ	48200
		2	Huyện ủy	48201
		3	Hội đồng nhân dân	48202
		4	Ủy ban nhân dân	48203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48204
		6	TT. Cam Lộ	48206
		7	X. Cam Thanh	48207
		8	X. Cam An	48208
		9	X. Cam Thủy	48209

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		10	X. Cam Tuyền	48210
		11	X. Cam Thành	48211
		12	X. Cam Hiếu	48212
		13	X. Cam Nghĩa	48213
		14	X. Cam Chính	48214
		15	BCP. Cam Lộ	48250
		16	BC. Tân Lâm	48251
		17	BC. Chợ Cùa	48252
	3		**HUYỆN GIO LINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Gio Linh	48300
		2	Huyện ủy	48301
		3	Hội đồng nhân dân	48302
		4	Ủy ban nhân dân	48303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48304
		6	TT. Gio Linh	48306
		7	X. Gio Mỹ	48307
		8	X. Trung Giang	48308
		9	X. Trung Hải	48309
		10	X. Gio Phong	48310
		11	X. Trung Sơn	48311
		12	X. Vĩnh Trường	48312
		13	X. Gio An	48313
		14	X. Gio Bình	48314
		15	X. Gio Châu	48315
		16	X. Gio Thành	48316
		17	X. Gio Hải	48317
		18	X. Gio Việt	48318
		19	TT. Cửa Việt	48319
		20	X. Gio Mai	48320
		21	X. Gio Quang	48321
		22	X. Gio Hòa	48322
		23	X. Gio Sơn	48323
		24	X. Hải Thái	48324
		25	X. Linh Hải	48325
		26	X. Linh Thượng	48326
		27	BCP. Gio Linh	48350
		28	BC. Chợ Kên	48351
		29	BC. Bắc Cửa Việt	48352
		30	BC. Gio Sơn	48353
	4		**HUYỆN VĨNH LINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vĩnh Linh	48400
		2	Huyện ủy	48401
		3	Hội đồng nhân dân	48402
		4	Ủy ban nhân dân	48403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48404

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		6	TT. Hồ Xá	48406
		7	X. Vĩnh Nam	48407
		8	X. Vĩnh Trung	48408
		9	X. Vĩnh Kim	48409
		10	X. Vĩnh Thái	48410
		11	X. Vĩnh Tú	48411
		12	X. Vĩnh Chấp	48412
		13	X. Vĩnh Khê	48413
		14	X. Vĩnh Long	48414
		15	X. Vĩnh Hòa	48415
		16	X. Vĩnh Hiền	48416
		17	X. Vĩnh Thạch	48417
		18	X. Vĩnh Tân	48418
		19	TT. Cửa Tùng	48419
		20	X. Vĩnh Giang	48420
		21	X. Vĩnh Thành	48421
		22	X. Vĩnh Lâm	48422
		23	TT. Bến Quan	48423
		24	X. Vĩnh Thủy	48424
		25	X. Vĩnh Sơn	48425
		26	X. Vĩnh Hà	48426
		27	X. Vĩnh Ô	48427
		28	BCP. Vĩnh Linh	48450
		29	BC. Rú Lịnh	48451
		30	BC. Chợ Do	48452
		31	BC. Bến Quan	48453
	5		**HUYỆN HƯỚNG HÓA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hướng Hóa	48500
		2	Huyện ủy	48501
		3	Hội đồng nhân dân	48502
		4	Ủy ban nhân dân	48503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48504
		6	TT. Khe Sanh	48506
		7	X. Tân Hợp	48507
		8	X. Hướng Linh	48508
		9	X. Hướng Sơn	48509
		10	X. Hướng Lập	48510
		11	X. Hướng Việt	48511
		12	X. Hướng Phùng	48512
		13	X. Tân Thành	48513
		14	X. Hướng Tân	48514
		15	TT. Lao Bảo	48515
		16	X. Tân Long	48516
		17	X. Tân Lập	48517
		18	X. Tân Liên	48518

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		19	X. Húc	48519
		20	X. Hướng Lộc	48520
		21	X. Thuận	48521
		22	X. Thanh	48522
		23	X. A Xing	48523
		24	X. Ba Tầng	48524
		25	X. A Túc	48525
		26	X. A Dơi	48526
		27	X. Xy	48527
		28	BCP. Hướng Hóa	48550
		29	BC. Tân Thành	48551
		30	BC. Rào Quán	48552
		31	BC. Lao Bảo	48553
	6		**HUYỆN ĐA KRÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đa Krông	48600
		2	Huyện ủy	48601
		3	Hội đồng nhân dân	48602
		4	Ủy ban nhân dân	48603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48604
		6	TT. Krông Klang	48606
		7	X. Hướng Hiệp	48607
		8	X. Đa Krông	48608
		9	X. Mò Ó	48609
		10	X. Ba Nang	48610
		11	X. Triệu Nguyên	48611
		12	X. Ba Lòng	48612
		13	X. Hải Phúc	48613
		14	X. Tà Long	48614
		15	X. Húc Nghì	48615
		16	X. A Vao	48616
		17	X. Tà Rụt	48617
		18	X. A Bung	48618
		19	X. A Ngo	48619
		20	BCP. Đa Krông	48650
		21	BC. Ba Lòng	48651
		22	BC. Tà Rụt	48652
	7		**HUYỆN TRIỆU PHONG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Triệu Phong	48700
		2	Huyện ủy	48701
		3	Hội đồng nhân dân	48702
		4	Ủy ban nhân dân	48703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48704
		6	TT. Ái Tử	48706
		7	X. Triệu Thành	48707
		8	X. Triệu Đông	48708

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		9	X. Triệu Tài	48709
		10	X. Triệu Trung	48710
		11	X. Triệu Sơn	48711
		12	X. Triệu Lăng	48712
		13	X. Triệu Trạch	48713
		14	X. Triệu Vân	48714
		15	X. Triệu An	48715
		16	X. Triệu Phước	48716
		17	X. Triệu Độ	48717
		18	X. Triệu Đại	48718
		19	X. Triệu Thuận	48719
		20	X. Triệu Hòa	48720
		21	X. Triệu Long	48721
		22	X. Triệu Giang	48722
		23	X. Triệu Ái	48723
		24	X. Triệu Thượng	48724
		25	BCP. Triệu Phong	48750
		26	BC. Chợ Cạn	48751
		27	BC. Nam Cửa Việt	48752
		28	BC. Bồ Bản	48753
		29	BC. Triệu Độ	48754
		30	BC. Chợ Thuận	48755
	8		**THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Quảng Trị	48800
		2	Thị ủy	48801
		3	Hội đồng nhân dân	48802
		4	Ủy ban nhân dân	48803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48804
		6	P. 2	48806
		7	P. 3	48807
		8	P. 1	48808
		9	P. An Đôn	48809
		10	X. Hải Lệ	48810
		11	BCP. Quảng Trị	48750
		12	BC. Thạch Hãn	48751
	9		**HUYỆN HẢI LĂNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hải Lăng	48900
		2	Huyện ủy	48901
		3	Hội đồng nhân dân	48902
		4	Ủy ban nhân dân	48903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48904
		6	TT. Hải Lăng	48906
		7	X. Hải Thiện	48907
		8	X. Hải Thành	48908
		9	X. Hải Hòa	48909

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		10	X. Hải Dương	48910
		11	X. Hải Khê	48911
		12	X. Hải An	48912
		13	X. Hải Quế	48913
		14	X. Hải Ba	48914
		15	X. Hải Vĩnh	48915
		16	X. Hải Xuân	48916
		17	X. Hải Quy	48917
		18	X. Hải Thượng	48918
		19	X. Hải Phú	48919
		20	X. Hải Tân	48920
		21	X. Hải Thọ	48921
		22	X. Hải Trường	48922
		23	X. Hải Lâm	48923
		24	X. Hải Sơn	48924
		25	X. Hải Chánh	48925
		26	BCP. Hải Lăng	48930
		27	BC. Hội Yên	48931
		28	BC. Phương Lang	48932
		29	BC. Mỹ Chánh	48933
	10		**HUYỆN CỒN CỎ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cồn Cỏ	48950
		2	Huyện ủy	48951
		3	Hội đồng nhân dân	48952
		4	Ủy ban nhân dân	48953
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	48954
		6	BCP. Cồn Cỏ	48975

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53			**TỈNH TÂY NINH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Tây Ninh	80000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	80001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	80002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	80003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	80004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	80005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	80009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	80010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	80011
		10	Báo Tây Ninh	80016
		11	Hội đồng nhân dân	80021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	80030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	80035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	80036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	80040
		16	Sở Công Thương	80041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	80042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	80043
		19	Sở Ngoại vụ	80044
		20	Sở Tài chính	80045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	80046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	80047
		23	Công an tỉnh	80049
		24	Sở Nội vụ	80051
		25	Sở Tư pháp	80052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	80053
		27	Sở Giao thông vận tải	80054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	80055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	80056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	80057
		31	Sở Xây dựng	80058
		32	Sở Y tế	80060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	80061
		34	Ban Dân tộc	80062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	80063
		36	Thanh tra tỉnh	80064
		37	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	80067
		38	Bảo hiểm xã hội tỉnh	80070
		39	Cục Thuế	80078
		40	Cục Hải quan	80079
		41	Cục Thống kê	80080

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Kho bạc Nhà nước tỉnh	80081
		43	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	80085
		44	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	80086
		45	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	80087
		46	Liên đoàn Lao động tỉnh	80088
		47	Hội Nông dân tỉnh	80089
		48	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	80090
		49	Tỉnh Đoàn	80091
		50	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	80092
		51	Hội Cựu chiến binh tỉnh	80093
	1		**THÀNH PHỐ TÂY NINH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Tây Ninh	80100
		2	Thành ủy	80101
		3	Hội đồng nhân dân	80102
		4	Ủy ban nhân dân	80103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80104
		6	P. 1	80106
		7	P. 2	80107
		8	P. 3	80108
		9	P. 4	80109
		10	P. Hiệp Ninh	80110
		11	P. Ninh Thạnh	80111
		12	P. Ninh Sơn	80112
		13	X. Thạnh Tân	80113
		14	X. Tân Bình	80114
		15	X. Bình Minh	80115
		16	BCP. Tây Ninh	80150
		17	BC. KHL Tây Ninh	80151
		18	BC. Phường 1	80152
		19	BC. Hiệp Ninh	80153
		20	BC. Cửa số 2	80154
		21	BC. Ninh Sơn	80155
		22	BĐVHX Thạnh Tân 1	80157
		23	BC. Hệ 1 Tây Ninh	80199
	2		**HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Dương Minh Châu	80200
		2	Huyện ủy	80201
		3	Hội đồng nhân dân	80202
		4	Ủy ban nhân dân	80203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80204
		6	TT. Dương Minh Châu	80206
		7	X. Phan	80207
		8	X. Bàu Năng	80208
		9	X. Chà Là	80209

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Cầu Khởi	80210
		11	X. Truông Mít	80211
		12	X. Lộc Ninh	80212
		13	X. Bến Củi	80213
		14	X. Phước Minh	80214
		15	X. Phước Ninh	80215
		16	X. Suối Đá	80216
		17	BCP. Dương Minh Châu	80250
		18	BC. Bàu Năng	80251
		19	BĐVHX Phước Minh 1	80252
		20	BĐVHX Suối Đá 1	80253
	3		**HUYỆN TÂN CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Châu	80300
		2	Huyện ủy	80301
		3	Hội đồng nhân dân	80302
		4	Ủy ban nhân dân	80303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80304
		6	TT. Tân Châu	80306
		7	X. Suối Dây	80307
		8	X. Tân Thành	80308
		9	X. Tân Hoà	80309
		10	X. Suối Ngô	80310
		11	X. Tân Đông	80311
		12	X. Tân Hà	80312
		13	X. Tân Hội	80313
		14	X. Tân Hiệp	80314
		15	X. Thạnh Đông	80315
		16	X. Tân Phú	80316
		17	X. Tân Hưng	80317
		18	BCP. Tân Châu	80350
		19	BC. Tân Đông	80351
	4		**HUYỆN TÂN BIÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Biên	80400
		2	Huyện ủy	80401
		3	Hội đồng nhân dân	80402
		4	Ủy ban nhân dân	80403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80404
		6	TT. Tân Biên	80406
		7	X. Thạnh Bình	80407
		8	X. Thạnh Bắc	80408
		9	X. Tân Lập	80409
		10	X. Tân Bình	80410
		11	X. Thạnh Tây	80411
		12	X. Hoà Hiệp	80412

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Tân Phong	80413
		14	X. Mỏ Công	80414
		15	X. Trà Vong	80415
		16	BCP. Tân Biên	80450
		17	BC. Tân Lập	80451
		18	BC. Mỏ Công	80452
	5		**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	80500
		2	Huyện ủy	80501
		3	Hội đồng nhân dân	80502
		4	Ủy ban nhân dân	80503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80504
		6	TT. Châu Thành	80506
		7	X. Đồng Khởi	80507
		8	X. Thái Bình	80508
		9	X. Hảo Đước	80509
		10	X. An Cơ	80510
		11	X. Phước Vinh	80511
		12	X. Biên Giới	80512
		13	X. Hoà Thạnh	80513
		14	X. Hoà Hội	80514
		15	X. Trí Bình	80515
		16	X. Thành Long	80516
		17	X. Ninh Điền	80517
		18	X. Long Vĩnh	80518
		19	X. Thanh Điền	80519
		20	X. An Bình	80520
		21	BCP. Châu Thành	80550
		22	BC. Thái Bình	80551
		23	BC. Thành Long	80552
	6		**HUYỆN HÒA THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hòa Thành	80600
		2	Huyện ủy	80601
		3	Hội đồng nhân dân	80602
		4	Ủy ban nhân dân	80603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80604
		6	TT. Hoà Thành	80606
		7	X. Long Thành Bắc	80607
		8	X. Hiệp Tân	80608
		9	X. Long Thành Trung	80609
		10	X. Long Thành Nam	80610
		11	X. Trường Tây	80611
		12	X. Trường Đông	80612
		13	X. Trường Hoà	80613

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		14	BCP. Hòa Thành	80650
		15	BC. Mít Một	80651
		16	BĐVHX Hiệp Tân 1	80652
		17	BĐVHX Long Thành Nam 1	80653
		18	BĐVHX Long Thành Nam 2	80654
	7		**HUYỆN GÒ DẦU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Gò Dầu	80700
		2	Huyện ủy	80701
		3	Hội đồng nhân dân	80702
		4	Ủy ban nhân dân	80703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80704
		6	TT. Gò Dầu	80706
		7	X. Thanh Phước	80707
		8	X. Phước Thạnh	80708
		9	X. Phước Đông	80709
		10	X. Bàu Đồn	80710
		11	X. Hiệp Thạnh	80711
		12	X. Thạnh Đức	80712
		13	X. Cẩm Giang	80713
		14	X. Phước Trạch	80714
		15	BCP. Gò Dầu	80750
		16	BĐVHX Thanh Phước 1	80751
		17	BĐVHX Phước Đông 1	80752
		18	BĐVHX Bàu Đồn 1	80753
		19	BĐVHX Hiệp Thạnh 1	80754
		20	BĐVHX Cẩm Giang 1	80755
	8		**HUYỆN BẾN CẦU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bến Cầu	80800
		2	Huyện ủy	80801
		3	Hội đồng nhân dân	80802
		4	Ủy ban nhân dân	80803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80804
		6	TT. Bến Cầu	80806
		7	X. Tiên Thuận	80807
		8	X. Long Chữ	80808
		9	X. Long Giang	80809
		10	X. Long Phước	80810
		11	X. Long Khánh	80811
		12	X. Long Thuận	80812
		13	X. Lợi Thuận	80813
		14	X. An Thạnh	80814
		15	BCP. Bến Cầu	80850
		16	BC. Long Thuận	80851
		17	BC. Mộc Bài	80852

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		18	BĐVHX Long Phước	80853
	9		**HUYỆN TRÀNG BẢNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tràng Bảng	80900
		2	Huyện ủy	80901
		3	Hội đồng nhân dân	80902
		4	Ủy ban nhân dân	80903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	80904
		6	TT. Trảng Bàng	80906
		7	X. Gia Lộc	80907
		8	X. Lộc Hưng	80908
		9	X. Hưng Thuận	80909
		10	X. Đôn Thuận	80910
		11	X. Gia Bình	80911
		12	X. Phước Lưu	80912
		13	X. Bình Thạnh	80913
		14	X. Phước Chỉ	80914
		15	X. An Hoà	80915
		16	X. An Tịnh	80916
		17	BCP. Trảng Bàng	80950
		18	BC. Linh Trung 3	80951
		19	BC. KCN Trảng Bàng	80952

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
54			**TỈNH THÁI BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Thái Bình	06000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	06001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	06002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	06003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	06004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	06005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	06009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	06010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	06011
		10	Báo Thái Bình	06016
		11	Hội đồng nhân dân	06021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	06030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	06035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	06036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	06040
		16	Sở Công Thương	06041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	06042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	06043
		19	Sở Ngoại vụ	06044
		20	Sở Tài chính	06045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	06046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	06047
		23	Công an tỉnh	06049
		24	Sở Nội vụ	06051
		25	Sở Tư pháp	06052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	06053
		27	Sở Giao thông vận tải	06054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	06055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	06056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	06057
		31	Sở Xây dựng	06058
		32	Sở Y tế	06060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	06061
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	06063
		35	Thanh tra tỉnh	06064
		36	Trường chính trị tỉnh Thái Bình	06065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn Xã Việt Nam	06066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	06067
		39	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	06070
		40	Cục Thuế	06078
		41	Chi Cục Hải quan	06079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	06080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	06081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	06085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	06086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	06087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	06088
		48	Hội Nông dân tỉnh	06089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	06090
		50	Tỉnh đoàn	06091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	06092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	06093
	1		**THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Thái Bình	06100
		2	Thành ủy	06101
		3	Hội đồng nhân dân	06102
		4	Ủy ban nhân dân	06103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06104
		6	P. Trần Hưng Đạo	06106
		7	P. Đề Thám	06107
		8	P. Bồ Xuyên	06108
		9	P. Lê Hồng Phong	06109
		10	P. Hoàng Diệu	06110
		11	X. Đông Mỹ	06111
		12	X. Đông Thọ	06112
		13	X. Đông Hòa	06113
		14	P. Tiền Phong	06114
		15	X. Tân Bình	06115
		16	X. Phú Xuân	06116
		17	P. Phú Khánh	06117
		18	P. Kỳ Bá	06118
		19	X. Vũ Phúc	06119
		20	X. Vũ Chính	06120
		21	P. Quang Trung	06121
		22	P. Trần Lãm	06122
		23	X. Vũ Lạc	06123
		24	X. Vũ Đông	06124
		25	BCP. Thái Bình	06050
		26	BC. KHL Thái Bình	06051
		27	BC. An Lễ	06052
		28	BC. Chợ Đác	06053
		29	BC. HCC Thái Bình	06098
		30	BC. Hệ 1 Thái Bình	06199
	2		**HUYỆN KIẾN XƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiến Xương	06200

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Huyện ủy	06201
		3	Hội đồng nhân dân	06202
		4	Ủy ban nhân dân	06203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06204
		6	TT. Thanh Nê	06206
		7	X. An Bồi	06207
		8	X. Bình Minh	06208
		9	X. Hòa Bình	06209
		10	X. Đình Phùng	06210
		11	X. Nam Cao	06211
		12	X. Thượng Hiền	06212
		13	X. Lê Lợi	06213
		14	X. Quyết Tiến	06214
		15	X. Hồng Thái	06215
		16	X. Trà Giang	06216
		12	X. Quốc Tuấn	06217
		13	X. An Bình	06218
		14	X. Vũ Tây	06219
		15	X. Vũ Sơn	06220
		16	X. Vũ Lễ	06221
		17	X. Bình Nguyên	06222
		18	X. Thanh Tân	06223
		19	X. Quang Lịch	06224
		20	X. Vũ An	06225
		21	X. Vũ Ninh	06226
		22	X. Vũ Quí	06227
		23	X. Vũ Trung	06228
		24	X. Vũ Thắng	06229
		25	X. Vũ Hòa	06230
		26	X. Quang Bình	06231
		27	X. Vũ Công	06232
		28	X. Vũ Bình	06233
		29	X. Minh Tân	06234
		30	X. Bình Thanh	06235
		31	X. Hồng Tiến	06236
		32	X. Bình Định	06237
		33	X. Nam Bình	06238
		34	X. Quang Hưng	06239
		35	X. Quang Trung	06240
		36	X. Minh Hưng	06241
		37	X. Quang Minh	06242
		38	BCP. Kiến Xương	06250
		39	BC. Chợ Lụ	06251
		40	BC. Chợ Sóc	06252

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		41	BC. Chợ Gốc	06253
	3		**HUYỆN TIỀN HẢI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tiền Hải	06300
		2	Huyện ủy	06301
		3	Hội đồng nhân dân	06302
		4	Ủy ban nhân dân	06303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06304
		6	TT. Tiền Hải	06306
		7	X. Tây Sơn	06307
		8	X. Đông Cơ	06308
		9	X. Đông Minh	06309
		10	X. Đông Hoàng	06310
		11	X. Đông Long	06311
		12	X. Đông Hải	06312
		13	X. Đông Trà	06313
		14	X. Đông Xuyên	06314
		15	X. Đông Quí	06315
		16	X. Đông Trung	06316
		17	X. Đông Phong	06317
		18	X. Tây Ninh	06318
		19	X. Tây Lương	06319
		20	X. Vũ Lăng	06320
		21	X. Tây An	06321
		22	X. An Ninh	06322
		23	X. Tây Giang	06323
		24	X. Phương Công	06324
		25	X. Tây Phong	06325
		26	X. Vân Trường	06326
		27	X. Bắc Hải	06327
		28	X. Nam Hải	06328
		29	X. Nam Hà	06329
		30	X. Nam Chính	06330
		31	X. Nam Hồng	06331
		32	X. Nam Trung	06332
		33	X. Nam Hưng	06333
		34	X. Nam Phú	06334
		35	X. Nam Thịnh	06335
		36	X. Nam Thắng	06336
		37	X. Nam Thanh	06337
		38	X. Nam Cường	06338
		39	X. Tây Tiến	06339
		40	X. Đông Lâm	06340
		41	BCP. Tiền Hải	06350
		42	BC. Đồng Châu	06351

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		43	BC. Hướng Tân	06352
		44	BC. Kênh Xuyên	06353
		45	BC. Trung Đồng	06354
	4		**HUYỆN THÁI THỤY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thái Thụy	06400
		2	Huyện ủy	06401
		3	Hội đồng nhân dân	06402
		4	Ủy ban nhân dân	06403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06404
		6	TT. Diêm Điền	06406
		7	X. Thụy Lương	06407
		8	X. Thụy Hải	06408
		9	X. Thụy Xuân	06409
		10	X. Thụy An	06410
		11	X. Thụy Trường	06411
		12	X. Thụy Tân	06412
		13	X. Thụy Dũng	06413
		14	X. Thụy Hồng	06414
		15	X. Hồng Quỳnh	06415
		16	X. Thụy Quỳnh	06416
		17	X. Thụy Trình	06417
		18	X. Thụy Bình	06418
		19	X. Thụy Văn	06419
		20	X. Thụy Việt	06420
		21	X. Thụy Hưng	06421
		22	X. Thụy Ninh	06422
		23	X. Thụy Chính	06423
		24	X. Thụy Dân	06424
		25	X. Thụy Phúc	06425
		26	X. Thụy Dương	06426
		27	X. Thụy Sơn	06427
		28	X. Thụy Phong	06428
		29	X. Thụy Duyên	06429
		30	X. Thụy Thanh	06430
		31	X. Thái Giang	06431
		32	X. Thái Sơn	06432
		33	X. Thái Hà	06433
		34	X. Thái Phúc	06434
		35	X. Thái Dương	06435
		36	X. Thái Hồng	06436
		37	X. Thái Thuần	06437
		38	X. Thái Học	06438
		39	X. Thái Thịnh	06439
		40	X. Thái Thành	06440

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		41	X. Thái Thọ	06441
		42	X. Mỹ Lộc	06442
		43	X. Thái Đô	06443
		44	X. Thái Hoà	06444
		45	X. Thái An	06445
		46	X. Thái Xuyên	06446
		47	X. Thái Tân	06447
		48	X. Thái Hưng	06448
		49	X. Thái Nguyên	06449
		50	X. Thái Thuỷ	06450
		51	X. Thụy Liên	06451
		52	X. Thụy Hà	06452
		53	X. Thái Thượng	06453
		54	BCP. Thái Thụy	06475
		55	BC. Thụy Xuân	06476
		56	BC. Chợ Giành	06477
		57	BC. Thụy Phong	06478
		58	BC. Chợ Thượng	06479
		59	BC. Chợ Tây	06480
		60	BC. Thái Hòa	06481
		61	BC. Cầu Cau	06482
	5		**HUYỆN QUỲNH PHỤ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quỳnh Phụ	06600
		2	Huyện ủy	06601
		3	Hội đồng nhân dân	06602
		4	Ủy ban nhân dân	06603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06604
		6	TT. Quỳnh Côi	06606
		7	X. Quỳnh Hồng	06607
		8	X. Quỳnh Minh	06608
		9	X. An Thái	06609
		10	X. An Khê	06610
		11	X. An Đồng	06611
		12	X. An Hiệp	06612
		13	X. Quỳnh Thọ	06613
		14	X. Quỳnh Hoa	06614
		15	X. Quỳnh Giao	06615
		16	X. Quỳnh Hoàng	06616
		17	X. Quỳnh Lâm	06617
		18	X. Quỳnh Ngọc	06618
		19	X. Quỳnh Khê	06619
		20	X. Quỳnh Sơn	06620
		21	X. Quỳnh Châu	06621
		22	X. Quỳnh Mỹ	06622

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	X. Quỳnh Nguyên	06623
		24	X. Quỳnh Bảo	06624
		25	X. Quỳnh Trang	06625
		26	X. Quỳnh Hưng	06626
		27	X. Quỳnh Hải	06627
		28	X. Quỳnh Hội	06628
		29	X. Quỳnh Xá	06629
		30	X. An Vinh	06630
		31	X. Đông Hải	06631
		32	X. An Tràng	06632
		33	X. Đồng Tiến	06633
		34	X. An Mỹ	06634
		35	X. An Dục	06635
		36	X. An Thanh	06636
		37	X. An Vũ	06637
		38	X. An Lễ	06638
		39	TT. An Bài	06639
		40	X. An Quí	06640
		41	X. An ấp	06641
		42	X. An Cầu	06642
		43	X. An Ninh	06643
		44	BCP. Quỳnh Phụ	06650
		45	BC. Chợ Mụa	06651
		46	BC. Bến Hiệp	06652
		47	BC. Quỳnh Lang	06653
		48	BC. Chợ Hới	06654
		49	BC. Cầu Vật	06655
		50	BC. Tư Môi	06656
	6		**HUYỆN HƯNG HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hưng Hà	06700
		2	Huyện ủy	06701
		3	Hội đồng nhân dân	06702
		4	Ủy ban nhân dân	06703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06704
		6	TT. Hưng Hà	06706
		7	X. Minh Khai	06707
		8	X. Hồng Lĩnh	06708
		9	X. Hoà Bình	06709
		10	X. Chi Lăng	06710
		11	X. Tây Đô	06711
		12	X. Thống Nhất	06712
		13	X. Đông Đô	06713
		14	X. Bắc Sơn	06714
		15	X. Văn Cẩm	06715

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	X. Duyên Hải	06716
		17	X. Dân Chủ	06717
		18	X. Điệp Nông	06718
		19	X. Hùng Dũng	06719
		20	X. Đoan Hùng	06720
		21	X. Tân Tiến	06721
		22	X. Phúc Khánh	06722
		23	X. Hòa Tiến	06723
		24	X. Cộng Hòa	06724
		25	X. Canh Tân	06725
		26	X. Tân Lễ	06726
		27	TT. Hưng Nhân	06727
		28	X. Tân Hòa	06728
		29	X. Liên Hiệp	06729
		30	X. Tiến Đức	06730
		31	X. Thái Hưng	06731
		32	X. Hồng An	06732
		33	X. Thái Phương	06733
		34	X. Kim Chung	06734
		35	X. Minh Tân	06735
		36	X. Độc Lập	06736
		37	X. Minh Hòa	06737
		38	X. Hồng Minh	06738
		39	X. Chí Hòa	06739
		40	X. Văn Lang	06740
		41	BCP Hưng Hà	06750
		42	BC. Cống Rút	06751
		43	BC. Hưng Nhân	06752
		44	BC. Chợ Nhội	06753
		45	BC. Chiều Dương	06754
	7		**HUYỆN ĐÔNG HƯNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đông Hưng	06800
		2	Huyện ủy	06801
		3	Hội đồng nhân dân	06802
		4	Ủy ban nhân dân	06803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06804
		6	TT. Đông Hưng	06806
		7	X. Đông Xá	06807
		8	X. Đông Cường	06808
		9	X. Đông Phương	06809
		10	X. Đông Sơn	06810
		11	X. Đông La	06811
		12	X. Liên Giang	06812
		13	X. Đô Lương	06813

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		14	X. An Châu	06814
		15	X. Phú Lương	06815
		16	X. Mê Linh	06816
		17	X. Hợp Tiến	06817
		18	X. Chương Dương	06818
		19	X. Lô Giang	06819
		20	X. Minh Tân	06820
		21	X. Thăng Long	06821
		22	X. Hồng Việt	06822
		23	X. Hồng Châu	06823
		24	X. Bạch Đằng	06824
		25	X. Hồng Giang	06825
		26	X. Hoa Nam	06826
		27	X. Hoa Lư	06827
		28	X. Minh Châu	06828
		29	X. Đồng Phú	06829
		30	X. Trọng Quan	06830
		31	X. Phú Châu	06831
		32	X. Phong Châu	06832
		33	X. Nguyên Xá	06833
		34	X. Đông Hợp	06834
		35	X. Đông Các	06835
		36	X. Đông Động	06836
		37	X. Đông Quang	06837
		38	X. Đông Dương	06838
		39	X. Đông Xuân	06839
		40	X. Đông Vinh	06840
		41	X. Đông Hoàng	06841
		42	X. Đông Á	06842
		43	X. Đông Huy	06843
		44	X. Đông Phong	06844
		45	X. Đông Lĩnh	06845
		46	X. Đông Tân	06846
		47	X. Đông Kinh	06847
		48	X. Đông Giang	06848
		49	X. Đông Hà	06849
		50	BCP. Đông Hưng	06875
		51	BC. Cầu Vàng	06876
		52	BC. Châu Giang	06877
		53	BC. Đống Năm	06878
		54	BC. Mê Linh	06879
		55	BC. Phố Tăng	06880
		56	BC. Tiên Hưng	06881
	8		**HUYỆN VŨ THƯ**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Vũ Thư	06900
		2	Huyện ủy	06901
		3	Hội đồng nhân dân	06902
		4	Ủy ban nhân dân	06903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	06904
		6	TT. Vũ Thư	06906
		7	X. Minh Quang	06907
		8	X. Tân Hòa	06908
		9	X. Tân Phong	06909
		10	X. Phúc Thành	06910
		11	X. Minh Lãng	06911
		12	X. Minh Khai	06912
		13	X. Song Lãng	06913
		14	X. Hiệp Hòa	06914
		15	X. Xuân Hòa	06915
		16	X. Đồng Thanh	06916
		17	X. Hồng Lý	06917
		18	X. Việt Hùng	06918
		19	X. Tam Quang	06919
		20	X. Dũng Nghĩa	06920
		21	X. Bách Thuận	06921
		22	X. Tân Lập	06922
		23	X. Tự Tân	06923
		24	X. Nguyên Xá	06924
		25	X. Hồng Phong	06925
		26	X. Duy Nhất	06926
		27	X. Vũ Tiến	06927
		28	X. Vũ Đoài	06928
		29	X. Vũ Vân	06929
		30	X. Vũ Vinh	06930
		31	X. Vũ Hội	06931
		32	X. Việt Thuận	06932
		33	X. Trung An	06933
		34	X. Song An	06934
		35	X. Hòa Bình	06935
		36	BCP. Vũ Thư	06950
		37	BC. Chợ Mễ	06951
		38	BC. Hiệp Hòa	06952
		39	BC. Chợ Búng	06953
		40	BC. Tân Đệ	06954
		41	BC. Bồng Tiên	06955
		42	BC. Cầu Cọi	06956

(Xem tiếp Công báo số 581 + 582)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng